|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH**    Số: /2020/TT-BTC | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Hà Nội, ngày … tháng …. năm 2020* |
| **Dự thảo 06/04/2020** |

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

*Căn cứ Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*

*Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29/11/2005;*

*Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/06/2006;*

*Căn cứ Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký số và dịch vụ chứng thực chữ ký số;*

*Căn cứ Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 20/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 20/11/2012 của Chính phủ về thanh toán không dùng tiền mặt;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn giao dịch điện tử**trong lĩnh vực thuế như sau:*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này hướng dẫn về:

a) Giao dịch trong lĩnh vực thuế giữa người nộp thuế với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử sau đây:

- Người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế bao gồm: đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, hoàn thuế, miễn giảm thuế, miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ và các hồ sơ, văn bản khác.

- Cơ quan thuế thực hiện gửi các thông báo, quyết định và các văn bản khác theo quy định của Luật Quản lý thuế cho người nộp thuế.

- Cơ quan thuế cung cấp các dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế bao gồm: tra cứu thông tin của người nộp thuế; tra cứu thông tin người phụ thuộc; tra cứu nghĩa vụ thuế; tiếp nhận và trả lời vướng mắc của người nộp thuế và các dịch vụ hỗ trợ khác.

b) Giao dịch giữa cơ quan thuế với các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, với các tổ chức có liên quan trong việc tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính thuế cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử; trong việc trao đổi, cung cấp thông tin để thực hiện trách nhiệm theo quy định tại Luật Quản lý thuế.

c) Thủ tục, trình tự kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

d) Hồ sơ, thủ tục về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Thông tư này không điều chỉnh việc thực hiện giao dịch về hoá đơn điện tử và giao dịch điện tử về thuế đối với hàng hóa ở khâu xuất khẩu, nhập khẩu tại cơ quan Hải quan.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Người nộp thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 2 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019.

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

3. Tổng cục Thuế, Cục Thuế, Chi cục Thuế khu vực, Chi cục Thuế (sau đây gọi là cơ quan thuế).

4. Kho bạc Nhà nước các cấp (sau đây viết tắt là KBNN);

5. Ngân hàng thương mại, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động tại Việt Nam, các tổ chức tín dụng khác (sau đây gọi là ngân hàng) và tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán .

6. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định của Luật Quản lý thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế là* các giao dịch được các cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện bằng phương thức điện tử thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

2. *Chứng từ điện tử là* thông tin được tạo ra, gửi đi, nhận và lưu trữ bằng phương thức điện tử khi người nộp thuế, cơ quan thuế, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan thực hiện giao dịch trong lĩnh vực thuế bằng phương thức điện tử.

3. *Mã giao dịch điện tử là* một dãy các ký tự được tạo theo một nguyên tắc thống nhất, có tính duy nhất theo từng chứng từ điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để nhận biết, xác định, tra cứu, trả kết quả giải quyết từng chứng từ điện tử của người nộp thế.

4. *Tài khoản giao dịch thuế điện tử là* tên và mật khẩu đăng nhập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế được cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế để thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế và tra cứu các chứng từ điện tử.

Tài khoản giao dịch thuế điện tử bao gồm 01 (một) tài khoản chính và tối đa không quá 10 (mười) tài khoản phụ. Tài khoản chính được cơ quan thuế cấp cho người nộp thuế sau khi người nộp thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 17 Thông tư này. Tài khoản phụ do người nộp thuế đăng ký thông qua tài khoản chính để phân quyền thực hiện theo từng dịch vụ.

5. *Mã xác thực giao dịch điện tử là* mật khẩu dùng một lần được sử dụng khi người nộp thuế không có chứng thư số thực hiện giao dịch điện tử. Mật khẩu này được gửi từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua “tin nhắn” đến số điện thoại hoặc địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế.

6. *Số chứng từ nộp NSNN là* một dãy ký tự được tạo theo một nguyên tắc thống nhất, có tính duy nhất theo từng chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử trên Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc từ các hệ thống thanh toán điện tử của các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Đối với chứng từ có nhiều hơn một khoản nộp thì số chứng từ nộp thuế kết hợp với mã định danh khoản phải nộp (ID) hoặc thông tin chi tiết khoản nộp (trường hợp không có ID) trên chứng từ là cặp thông tin để các cơ quan phối hợp thu truy vấn thông tin trên Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử phục vụ hạch toán thu ngân sách nhà nước, đồng thời hỗ trợ người nộp thuế xác định, tra cứu kết quả xử lý chứng từ nộp thuế tại cơ quan thuế.

7. *Mã định danh khoản phải nộp (ID) là* một dãy các ký tự được tạo trên Hệ thống ứng dụng quản lý thuế của ngành thuế theo một nguyên tắc thống nhất, có tính duy nhất cho từng khoản phải nộp để quản lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế phải thanh toán với NSNN; Mã định danh khoản phải nộp (ID) được sử dụng để mã hoá thông tin truyền nhận trong thu, nộp ngân sách nhà nước hỗ trợ các cơ quan phối hợp thu truy vấn thông tin trên Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử, phục vụ hạch toán thu ngân sách nhà nước, đồng thời hỗ trợ việc nhận biết, xác định, tra cứu kết quả xử lý nghĩa vụ thuế của người nộp thuế tại cơ quan thuế.

8. *Tổ chức cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế (sau đây gọi là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN) là* người trung gian theo quy định của Luật giao dịch điện tử và được Tổng cục Thuế chấp nhận kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để cung cấp dịch vụ đại diện (một phần hoặc toàn bộ) cho người nộp thuế thực hiện việc gửi, nhận, lưu trữ, phục hồi chứng từ điện tử điện tử; hỗ trợ khởi tạo, xử lý chứng từ điện tử; xác nhận việc thực hiện giao dịch điện tử giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

9. *Ngân hàng* *hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán* bao gồm:

- Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế thực hiện nộp ngân sách nhà nước chưa tham gia kết nối với Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

- Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế thực hiện nộp ngân sách nhà nước đã tham gia kết nối với Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

- Ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản chuyên thu, tài khoản chuyên thu tổng hợp, tài khoản thanh toán, tài khoản thanh toán tổng hợp theo quy định tại Thông tư số 58/2019/TT-BTC ngày 30/8/2019 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng tài khoản của KBNN mở tại NHNN Việt Nam và các NHTM (sau đây gọi là Ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản).

10. *Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế là* điểm truy cập tập trung trên Internet do Tổng cục Thuế cung cấp để người nộp thuế, cơ quan thuế và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan theo quy định tại Điều 2 của Luật Quản lý thuế thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Khoản 1, Điều 1 Thông tư này.

11. *Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền* bao gồm Cổng dịch vụ công quốc gia, Cổng dịch vụ công cấp Bộ, cấp tỉnh theo quy định về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đã kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

12. *Cổng trao đổi thông tin của Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán là* hệ thống kết nối, trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử giữa ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán với Tổng cục Thuế để thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử và trao đổi các thông tin điện tử về người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế.

13. *Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử* gồm Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 4. Hình thức giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

Người nộp thuế có thể lựa chọn các hình thức sau đây để thực hiện giao dịch thuế điện tử:

1. Thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3. Riêng nộp thuế điện tử ngoài các hình thức quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này, người nộp thuế có thể lựa chọn hình thức nộp thuế điện tử thông qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

**Điều 5. Đăng ký thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

1. Người nộp thuế giao dịch thuế điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì đăng ký thực hiện giao dịch thuế điện tử theo quy định tại Điều 17 hoặc Điều 47 Thông tư này.

2. Người nộp thuế giao dịch thuế điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì đăng ký thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Người nộp thuế lựa chọn hình thức nộp thuế điện tử thông qua dịch vụ thanh toán điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thì đăng ký thực hiện theo hướng dẫn của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán..

**Điều 6. Nguyên tắc giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

1. Việc thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải tuân theo nguyên tắc rõ ràng, công bằng, trung thực, an toàn, hiệu quả đúng quy định của pháp luật về quản lý thuế và phù hợp với quy định của Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn.

2. Người nộp thuế đã thực hiện đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử thì phải thực hiện các giao dịch với cơ quan thuế theo phạm vi quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này bằng phương thức điện tử, trừ các trường hợp quy định tại Điều 11 Thông tư này.

3. Người nộp thuế, cơ quan thuế, các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đã hoàn thành việc thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế theo quy định tại Thông tư này (trừ trường hợp đăng ký thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Thông tư này) thì không phải thực hiện các phương thức giao dịch khác và được công nhận đã hoàn thành thủ tục thuế tương ứng theo quy định của Luật Quản lý thuế.

4. Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để chuyển hồ sơ thuế điện tử đã tiếp nhận của người nộp thuế cho cơ quan thuế và trả kết quả giải quyết của cơ quan thuế bằng phương thức điện tử cho người nộp thuế theo quy định.

5. Các quyết định, thông báo và văn bản khác bằng điện tử của cơ quan thuế được gửi đến địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã đã thực hiện liên thông với cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế, đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã và tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; đồng thời, cơ quan thuế gửi tin nhắn để thông báo cho người nộp thuế biết qua số điện thoại đã đăng ký với cơ quan thuế về việc gửi các quyết định, thông báo và văn bản đó..

Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại lý thuế thực hiện các thủ tục đăng ký thuế, khai thuế, nộp thuế, quyết toán thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn thuế, giảm thuế, hoàn thuế và các thủ tục về thuế khác theo quy định của Luật Quản lý thuế thì cơ quan thuế đồng thời gửi đến địa chỉ thư điện tử của đại lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế đăng ký và thực hiện giao dịch điện tử qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì cơ quan thuế gửi đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để gửi cho người nộp thuế hoặc cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; đồng thời được lưu trữ trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Người nộp thuế được sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cấp để tra cứu các quyết định, thông báo và văn bản khác của cơ quan thuế đã gửi cho người nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, TVAN.

6. Trong cùng một khoảng thời gian, người nộp thuế chỉ được lựa chọn đăng ký, thực hiện một trong các thủ tục hành chính thuế quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 1 Thông tư này qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc một Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

**Điều 7. Điều kiện thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải đảm bảo các điều kiện sau:

1. Có chứng thư số đang còn hiệu lực do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận, trừ một số trường hợp sau:

a) Người nộp thuế là cá nhân đã có mã số thuế chưa được cấp chứng thư số.

b) Người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế lần đầu và cấp mã số thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Thông tư này.

c) Người nộp thuế khi thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử bằng giao dịch với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông qua các hình thức thanh toán điện tử (như ATM, Internet Banking, Mobile Banking, POS hoặc các hình thức thanh toán điện tử khác) mà ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có quy định khác.

d) Người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam.

2. Có khả năng truy cập và sử dụng mạng Internet, có địa chỉ thư điện tử, có số điện thoại di động (đối với cá nhân chưa được cấp chứng thư số) đã đăng ký sử dụng để giao dịch với cơ quan thuế (trừ trường hợp người nộp thuế thực hiện thủ tục nộp thuế điện tử qua hình thức nộp thuế điện tử với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có quy định khác).

3. Người nộp thuế được đăng ký nhiều chứng thư số nhưng chỉ được sử dụng một chứng thư số cho một thủ tục hành chính thuế; đăng ký nhiều tài khoản ngân hàng để thực hiện nộp thuế điện tử; đối với cá nhân nêu tại điểm a Khoản 1 Điều này được đăng ký một số điện thoại di động duy nhất do mình làm chủ thuê bao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông để nhận mã xác thực giao dịch điện tử qua “tin nhắn” theo từng lần giao dịch điện tử với cơ quan thuế; đăng ký một địa chỉ thư điện tử chính thức để nhận tất cả các thông báo trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế (địa chỉ thư điện tử này phải đồng nhất với địa chỉ thư điện tử đã đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 21 Thông tư này hoặc địa chải thư điện tử đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông theo quy định tại Điều 20 Thông tư này), ngoài ra, với mỗi thủ tục hành chính thuế người nộp thuế được đăng ký thêm một địa chỉ thư điện tử để nhận tất cả các thông báo liên quan đến thủ tục hành chính thuế đó.

**Điều 8. Sử dụng chữ ký số và mã xác thực giao dịch điện tử**

1. Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế với cơ quan thuế phải sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

Người nộp thuế ký hợp đồng dịch vụ làm thủ tục về thuế với đại lý thuế thì đại lý thuế sử dụng chứng thư số của đại lý thuế để ký trên các chứng từ điện tử của người nộp thuế khi giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

Người nộp thuế là cá nhân thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế với cơ quan thuế nhưng chưa được cấp chứng thư số thì được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của các cơ quan có liên quan đến giao dịch điện tử cấp.

Người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế với cơ quan thuế thì được sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử do hệ thống của cơ quan thuế hoặc hệ thống của các cơ quan có liên quan đến giao dịch điện tử cấp gửi vào địa chỉ email đã đăng ký với cơ quan thuế.

Người nộp thuế là tổ chức, cá nhân khai thay, nộp thuế thay cho tổ chức, cá nhân, nhà thầu nước ngoài thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế với cơ quan thuế thì tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay sử dụng chứng thư số của tổ chức, cá nhân khai, nộp thuế thay để ký trên các chứng từ điện tử khi giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

2. Cơ quan thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các cơ quan nhà nước khác khi thực hiện giao dịch điện tử theo quy định tại Thông tư này phải sử dụng chữ ký số được ký bằng chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận.

3. Việc sử dụng chữ ký số và mã xác thực giao dịch điện tử trên đây được gọi chung là ký điện tử.

**Điều 9. Chứng từ điện tử**

1. Chứng từ điện tử gồm:

a) Hồ sơ thuế điện tử: hồ sơ đăng ký thuế, hồ sơ khai thuế, hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ miễn giảm, hồ sơ xóa nợ, gia hạn nộp thuế, gia hạn nộp hồ sơ khai thuế và các hồ sơ, văn bản khác về thuế dưới dạng điện tử được quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật Quản lý thuế.

b) Chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử: giấy nộp tiền hoặc chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định của Chính phủ dưới dạng điện tử, trường hợp nộp thuế qua hình thức nộp thuế điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thì chứng từ giao dịch của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phải đảm bảo đủ các thông tin giấy nộp tiền hoặc chứng từ nộp tiền vào ngân sách nhà nước theo quy định.

c) Các thông báo, quyết định, văn bản khác của cơ quan thuế dưới dạng điện tử.

Các chứng từ điện tử theo quy định tại khoản này phải được ký điện tử theo quy định tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp hồ sơ thuế điện tử có các tài liệu kèm theo ở dạng chứng từ giấy phải được chuyển đổi sang dạng điện tử theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 26/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính (sau đây gọi là Nghị định số 165/2018/NĐ-CP) và được gửi đến Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

2. Giá trị pháp lý của chứng từ điện tử: Chứng từ điện tử theo quy định tại Thông tư này có giá trị như hồ sơ, chứng từ, thông báo và các văn bản bằng giấy. Chứng từ điện tử có giá trị là bản gốc nếu được thực hiện bằng một trong các biện pháp quy định tại Điều 5 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

3. Chuyển đổi chứng từ điện tử sang chứng từ giấy và ngược lại:

Chứng từ điện tử có thể chuyển đổi sang chứng từ giấy và ngược lại theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử và Nghị định số 165/2018/NĐ-CP và phải đảm bảo các định dạng, tiêu chuẩn kỹ thuật dữ liệu theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi thì thực hiện theo quy định tại Luật Giao dịch điện tử, Nghị định số 165/2018/NĐ-CP và Điều 30 Thông tư này.

4. Sửa đổi chứng từ điện tử: Chứng từ điện tử được sửa đổi theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP.

**Điều 10. Thời gian nộp hồ sơ thuế điện tử, nộp thuế điện tử**

1. Người nộp thuế được thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, bao gồm cả ngày nghỉ, ngày lễ và ngày Tết.

2. Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử được xác định như sau:

a) Đối với hồ sơ đăng ký thuế điện tử: là ngày hệ thống của cơ quan thuế nhận được hồ sơ và được ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

b) Đối với hồ sơ khai thuế điện tử: là ngày hệ thống của cơ quan thuế nhận được hồ sơ và được ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử lần đầu của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) tương ứng với hồ sơ khai thuế đã được cơ quan thuế chấp nhận.

c) Đối với hồ sơ hoàn thuế điện tử: là ngày hệ thống của cơ quan thuế nhận được hồ sơ và được ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

d) Đối với hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử: là ngày hệ thống của cơ quan thuế nhận được hồ sơ và được ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

đ) Đối với các hồ sơ khác: là ngày hệ thống của cơ quan thuế nhận được hồ sơ và được ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ điện tử của cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

Thời điểm xác nhận nộp hồ sơ thuế điện tử là căn cứ để cơ quan thuế tính thời gian nộp hồ sơ thuế; hoặc tính thời gian để giải quyết hồ sơ thuế điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn thi hành và các quy định tại Thông tư này. Căn cứ vào thời gian nộp hồ sơ thuế được xác định nêu trên cơ quan thuế xử lý hành vi vi phạm hành chính của người nộp thuế theo quy định.

3. Ngày nộp thuế điện tử là ngày hệ thống thanh toán của ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/cơ quan Kho bạc Nhà nước trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế/người nộp thay và được ghi nhận trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử.

**Điều 11. Xử lý sự cố trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

1. Trường hợp giao dịch điện tử không thực hiện được do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của người nộp thuế thì người nộp thuế phải tự khắc phục sự cố. Trường hợp do lỗi kết nối với Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử thì liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được hướng dẫn, hỗ trợ kịp thời.

Trường hợp đến hạn nộp hồ sơ thuế, nộp thuế mà hệ thống hạ tầng kỹ thuật của người nộp thuế chưa khắc phục được sự cố, người nộp thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức nộp hồ sơ bản giấy trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, nộp thuế trực tiếp tại ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý thu, chi bằng tiền mặt qua hệ thống Kho bạc Nhà nước.

2. Trường hợp giao dịch điện tử không thực hiện được do lỗi hệ thống hạ tầng kỹ thuật của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phục vụ người nộp thuế thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phục vụ người nộp thuế có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế được biết, phối hợp với Tổng cục Thuế để được hỗ trợ kịp thời. Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán phục vụ người nộp thuế phải chịu trách nhiệm về việc hồ sơ thuế, chứng từ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế không đúng thời hạn (trong trường hợp người nộp thuế nộp đúng thời hạn theo quy định) và khắc phục nhanh nhất sự cố, có biện pháp hỗ trợ người nộp thuế gửi hồ sơ thuế, chứng từ nộp ngân sách nhà nước đến cơ quan thuế trong thời gian ngắn nhất.

3. Trường hợp lỗi do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong ngày cuối cùng của thời hạn nộp hồ sơ thuế, nộp thuế thì:

a) Tổng cục Thuế có trách nhiệm thông báo kịp thời thời điểm sự cố của hệ thống, thời điểm hệ thống tiếp tục hoạt động (theo mẫu 02/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) trên Trang thông tin điện tử ([www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Người nộp thuế nộp hồ sơ thuế, chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử trong ngày tiếp theo liền kề ngày Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp tục hoạt động, trừ trường hợp thực hiện quy định tại Điểm c Khoản này. Hồ sơ thuế, chứng từ điện tử nộp trong thời gian này là đúng hạn.

c) Người nộp thuế có yêu cầu nộp hồ sơ bản giấy trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc qua đường bưu chính, nộp thuế trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thì cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước hoặc ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện tiếp nhận và giải quyết cho người nộp thuế theo quy định.

4. Trường hợp giao dịch điện tử không thực hiện được do lỗi của Cổng thông tin của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì:

a) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo cho người nộp thuế biết thời điểm sự cố của hệ thống, thời điểm hệ thống tiếp tục hoạt động trên Trang thông tin điện tử và Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; đồng thời gửi thông báo điện tử đến cơ quan thuế.

b) Phối hợp với Tổng cục Thuế để xử lý sự cố nếu là lỗi kết nối với Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

c) Người nộp thuế thực hiện nộp hồ sơ thuế, chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại Điểm c Khoản 3 Điều này.

**Điều 12. Bảo mật thông tin**

Việc gửi, truyền, nhận, trao đổi thông tin về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế phải được bảo mật theo Luật Công nghệ thông tin, Luật Giao dịch điện tử và các quy định khác của pháp luật. Các tổ chức, cá nhân, cơ quan tham gia hệ thống trao đổi thông tin, dữ liệu điện tử về thuế có trách nhiệm đảm bảo tính an toàn, bảo mật, chính xác và toàn vẹn của dữ liệu điện tử, sử dụng dữ liệu điện tử trong phạm vi nhiệm vụ của mình; có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện các biện pháp kỹ thuật cần thiết để đảm bảo tính bảo mật, an toàn của hệ thống.

**Điều 13. Lưu trữ chứng từ điện tử**

Việc lưu trữ chứng từ điện tử trong lĩnh vực thuế được thực hiện theo thời hạn do pháp luật quy định như đối với chứng từ giấy, phù hợp với môi trường, điều kiện lưu trữ điện tử, các quy định có liên quan của pháp luật về lưu trữ và bảo đảm các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 15 Luật giao dịch điện tử. Trường hợp chứng từ điện tử hết thời hạn lưu trữ theo quy định nhưng có liên quan đến tính toàn vẹn về thông tin của hệ thống và các chứng từ điện tử đang lưu hành, thì tiếp tục được lưu trữ, cho đến khi việc hủy chứng từ điện tử hoàn toàn không ảnh hưởng đến các giao dịch điện tử khác thì mới được tiêu hủy.

**Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế**

Người nộp thuế thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đồng thời, thực hiện theo các quy định tại Thông tư này, cụ thể:

1. Người nộp thuế khi thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế được:

a) Sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử do cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp khi thực hiện giao dịch điện tử qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử.

b) Tra cứu, xem, in toàn bộ chứng từ điện tử đã gửi đến cơ quan thuế và các thông báo, quyết định cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn bằng cách sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử hoặc sử dụng mã giao dịch điện tử được cấp theo từng lần giao dịch.

c) Xác nhận hoàn thành các thủ tục về thuế đã thực hiện bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế.

d) Cơ quan thuế hướng dẫn, hỗ trợ trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Người nộp thuế khi thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan thuế, cơ quan, tổ chức có liên quan để giải quyết sai sót hoặc sự cố phát sinh (nếu có) trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

b) Xây dựng, quản lý vận hành hệ thống ứng dụng và hạ tầng kỹ thuật của mình để thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế.

c) Cung cấp, cập nhật thông tin đăng ký giao dịch điện tử kịp thời, chính xác;

d) Quản lý, sử dụng thiết bị xác thực giao dịch điện tử, tài khoản giao dịch thuế điện tử, mã xác thực được cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền cấp đảm bảo an toàn, bảo mật, đúng mục đích;

đ) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin của giao dịch điện tử phát sinh từ tài khoản giao dịch thuế điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bao gồm cả tài khoản chính và tài khoản phụ).

e) Quản lý và sử dụng chữ ký số trên chứng từ điện tử theo đúng quy định của pháp luật, đúng phạm vi, đúng thẩm quyền và còn hiệu lực.

g) Tiếp nhận, phản hồi và chấp hành nội dung, yêu cầu tại các quyết định, thông báo, văn bản của cơ quan thuế gửi bằng phương thức điện tử như đối với thông báo, quyết định, văn bản bằng giấy của cơ quan thuế.

h) Có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra thư điện tử theo địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế, đăng nhập tài khoản giao dịch thuế điện tử trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để tra cứu, xem, in thông báo, văn bản cơ quan thuế đã gửi cho người nộp thuế.

i) Tự chịu trách nhiệm đối với trường hợp người nộp thuế không kiểm tra, không đọc thông báo, văn bản của cơ quan thuế tại tài khoản giao dịch thuế điện tử và qua địa chỉ thư điện tử, kể cả trong trường hợp người nộp thuế không truy cập được Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế do lỗi kỹ thuật thuộc về hệ thống hạ tầng, thiết bị của người nộp thuế hoặc do địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế không chính xác.

**Điều 15. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan thuế, công chức thuế**

Cơ quan thuế, công chức thuế thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định tại Luật Quản lý thuế, Luật Giao dịch điện tử và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Đồng thời, thực hiện theo các quy định tại Thông tư này, cụ thể:

1. Hướng dẫn, hỗ trợ để người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán và các tổ chức liên quan thực hiện các giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

2. Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống tiếp nhận và xử lý dữ liệu thuế điện tử đảm bảo an ninh, an toàn, bảo mật và liên tục.

3. Cung cấp thông tin về người nộp thuế đăng ký thay đổi, bổ sung, ngừng giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế; cập nhật kịp thời các thông tin về danh mục dùng chung, dữ liệu về người nộp thuế, dữ liệu về khoản thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cho các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Kho bạc nhà nước, cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện giao dịch thuế điện tử.

4. Phối hợp với các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để thực hiện quy trình nghiệp vụ, xây dựng hệ thống kết nối, trao đổi thông tin điện tử về thu ngân sách nhà nước và triển khai thực hiện; xem xét đình chỉ hoặc chấm dứt việc tham gia phối hợp thu với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nếu ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán không còn đáp ứng các yêu cầu về thu ngân sách nhà nước hoặc có hành vi vi phạm pháp luật về quản lý thuế.

5. Tiếp nhận thông tin về số thuế đã nộp, đã hoàn trả từ cơ quan kho bạc nhà nước và các ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để phục vụ công tác quản lý thuế; thực hiện tra soát và phối hợp với cơ quan kho bạc nhà nước, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, người nộp thuế để xử lý các vấn đề sai sót liên quan đến các khoản thu nộp, hoàn trả ngân sách nhà nước; đối chiếu số liệu, đảm bảo khớp đúng về số đã nộp ngân sách nhà nước trước khi khóa sổ kế toán thuế;

6. Xây dựng hệ thống kết nối, trao đổi thông tin với Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử hoặc giao dịch điện tử về thuế của người nộp thuế và trả kết quả giải quyết của cơ quan thuế bằng phương thức điện tử cho người nộp thuế theo quy định; cung cấp thông tin về số tiền thuế đã nộp ngân sách nhà nước, về việc hoàn thành nghĩa vụ thuế, số tiền thuế nợ của người nộp thuế hoặc các thông tin khác về người nộp thuế cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan bằng điện tử để thực hiện các thủ tục hành chính cho người nộp thuế hoặc thực hiện chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình theo quy định tại pháp luật về quản lý thuế và pháp luật có liên quan khác.

7. Cập nhật các thông tin đăng ký giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế kịp thời, đầy đủ, chính xác.

8. Gửi các thông tin phản hồi cho người nộp thuế theo các thông tin người nộp thuế đã đăng ký thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế.

9. Thực hiện khai thác, sử dụng dữ liệu trên hệ thống quản lý thuế; không được yêu cầu người nộp thuế cung cấp hồ sơ thuế, chứng từ nộp ngân sách nhà nước bằng giấy khi chứng từ điện tử của người nộp thuế đã được lưu trong cơ sở dữ liệu của cơ quan thuế.

**Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khác có liên quan trong việc quản lý, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế**

1. Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm:

a) Xây dựng, duy trì, nâng cấp hệ thống để tiếp nhận thông tin về thu nộp, hoàn trả ngân sách nhà nước của người nộp thuế do cơ quan thuế cung cấp bằng phương thức điện tử; thông tin về thu nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế do ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản cung cấp bằng phương thức điện tử.

b) Phối hợp với cơ quan thuế, ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản trong việc truyền, nhận, xác nhận thông tin nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử của người nộp thuế; đối soát, xử lý, điều chỉnh dữ liệu về nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử với các ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản và cơ quan thuế.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin danh mục tài khoản thu ngân sách của Kho bạc Nhà nước mở tại các ngân hàng, cơ quan kho bạc nhà nước tiếp nhận và hạch toán khoản thu ngân sách nhà nước theo phương thức điện tử cho cơ quan thuế.

d) Khai thác và bảo mật thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước; đồng thời, sử dụng thông tin do cơ quan thuế cung cấp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế làm căn cứ để thực hiện hạch toán thu nộp, hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định;

2. Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán có trách nhiệm thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế, các văn bản hướng dẫn liên quan, đồng thời có trách nhiệm thực hiện một số quy định tại Thông tư này:

a) Thực hiện chuyển tiền nộp thuế của người nộp thuế vào ngân sách nhà nước, chuyển tiền hoàn trả từ ngân sách nhà nước cho người nộp thuế đầy đủ, kịp thời và chịu trách nhiệm khi có sai sót do lỗi của ngân hàng theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Phối hợp với cơ quan thuế, Kho bạc nhà nước trong việc hỗ trợ, hướng dẫn người nộp thuế thực hiện nộp thuế điện tử, hoàn thuế điện tử.

c) Phối hợp với Tổng cục Thuế để kết nối hệ thống trao đổi thông tin điện tử phối hợp thu ngân sách nhà nước;

d) Khai thác và bảo mật thông tin liên quan đến thu nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế cung cấp thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; chỉ sử dụng thông tin thu nộp ngân sách nhà nước do cơ quan thuế cung cấp để thực hiện thu nộp ngân sách;

đ) Truyền đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin thu nộp, hoàn trả ngân sách nhà nước cho cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định tại Điều 31 Nghị định ....(Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế) và theo hướng dẫn tại Chương III Thông tư này.

e) Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế đã thực hiện giao dịch trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế để nộp vào ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi cho người nộp thuế theo quy định.

3. Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, nâng cấp hệ thống trao đổi, truyền, nhận thông tin về phối hợp quản lý thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế;

b) Truyền nhận, xác nhận đầy đủ, chính xác, đúng thời hạn thông tin liên quan đến doanh nghiệp và hàng hóa xuất, nhập khẩu khi mới phát sinh hoặc khi thay đổi; thông tin nợ thuế về hoạt động xuất, nhập khẩu; thông tin quản lý rủi ro trong quá trình quản lý thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu; thông tin đánh giá doanh nghiệp; thông tin hoàn thuế GTGT ở khâu nhập khẩu; thông tin hoàn thành nghĩa vụ thuế về hoạt động xuất nhập khẩu khi người nộp thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế; thông tin tờ khai xuất khẩu của từng người nộp thuế dưới dạng bảng kê theo kỳ và cung cấp thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan thuế theo quy định tại chương III Thông tư này để cơ quan thuế giải quyết thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử cho người nộp thuế.

c) Thực hiện xác nhận hoàn thành nghĩa vụ thuế của hoạt động xuất nhập khẩu bằng phương thức điện tử khi cơ quan thuế có đề nghị để giải quyết hồ sơ chấm dứt hiệu lực mã số thuế cho người nộp thuế.

d) Cập nhật vào Hệ thống của cơ quan hải quan đầy đủ, kịp thời các thông tin đăng ký thuế lần đầu; thông tin thay đổi thông tin đăng ký thuế; tạm ngừng hoạt động, kinh doanh; người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; khôi phục mã số thuế; người nộp thuế đã chuyển cơ quan thuế quản lý và chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện quản lý thuế đối với hoạt động xuất, nhập khẩu theo quy định.

đ) Khai thác và bảo mật thông tin của người nộp thuế do cơ quan thuế cung cấp bằng phương thức điện tử để sử dụng cho việc quản lý thuế xuất, nhập khẩu.

4. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan theo quy định tại Điều 25 Nghị định ....(Nghị định hướng dẫn Luật Quản lý thuế) có trách nhiệm:

a) Xây dựng, quản lý, duy trì, nâng cấp hệ thống trao đổi, truyền, nhận thông tin thuộc phạm vi trách nhiệm quy định tại Luật Quản lý thuế đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế;

b) Phối hợp với cơ quan thuế trong việc tiếp nhận, giải quyết, quản lý, hỗ trợ người nộp thuế thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử.

c) Khai thác và bảo mật thông tin của người nộp thuế do cơ quan thuế cung cấp bằng phương thức điện tử để sử dụng cho việc quản lý Nhà nước.

d) Sử dụng chứng từ điện tử trong quá trình thực hiện giao dịch với cơ quan thuế; sử dụng chứng từ điện tử do cơ quan thuế cung cấp để giải quyết các thủ tục hành chính cho người nộp thuế và không được yêu cầu người nộp thuế, cơ quan thuế cung cấp chứng từ giấy.

**Chương II**

GIAO DỊCH TRONG LĨNH VỰC THUẾ GIỮA NGƯỜI NỘP THUẾ VỚI CƠ QUAN THUẾ BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ

**Mục 1**

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VỚI CƠ QUAN THUẾ**

**BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ**

**Điều 17. Đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử**

1. Đối với người nộp thuế là cơ quan, tổ chức và cá nhân đã được cấp chứng thư số theo quy định thì việc đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế được thực hiện như sau:

a) Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử (theo mẫu số 01/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký chậm nhất 15 phút sau khi nhận được hồ sơ đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử của người nộp thuế.

b1) Trường hợp chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông tin về tài khoản giao dịch thuế điện tử cho người nộp thuế.

b2) Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ vào lý do không chấp nhận của cơ quan thuế tại thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) để hoàn chỉnh thông tin đăng ký, ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hướng dẫn, hỗ trợ.

c) Sau khi được cơ quan thuế thông báo chấp nhận cấp tài khoản giao dịch điện tử theo quy định tại Điều này hoặc Điều 47 Thông tư này, người nộp thuế thực hiện các giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định (trừ trường hợp đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Thông tư này).

Người nộp thuế được sử dụng tài khoản chính đã được cơ quan thuế cấp để thực hiện đầy đủ các giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Khoản 1 Điều 1 Thông tư này, trừ quy định tại Khoản 2 Điều này; đồng thời từ tài khoản chính đó người nộp thuế có thể đăng ký thêm một hoặc một số tài khoản phụ qua chức năng trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện từng giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế.

d) Trường hợp người nộp thuế thực hiện đăng ký sử dụng giao dịch thuế điện tử thông qua các Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì thực hiện theo quy định của cơ quan có thẩm quyền. Đồng thời, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế kết nối và cập nhật thông tin đăng ký sử dụng giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế để thực hiện tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ thuế điện tử cho người nộp thuế tại Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi người nộp thuế đăng ký và gửi hồ sơ thuế điện tử.

2. Đối với người nộp thuế là cá nhân đã có mã số thuế và sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử, việc đăng ký giao dịch bằng phương thức điện tử với cơ quan thuế thực hiện như sau:

a) Trường hợp phát sinh giao dịch thuế định kỳ, người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và đăng ký giao dịch theo quy định tại Khoản 1, Khoản 4 Điều này.

Người nộp thuế đến cơ quan thuế bất kỳ xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc thẻ căn cước công dân để nhận và kích hoạt tài khoản giao dịch thuế điện tử.

Trường hợp, người nộp thuế đăng ký giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế nếu đã có tài khoản giao dịch điện tử do Cổng dịch vụ công Quốc gia cấp thì người nộp thuế không phải đến cơ quan thuế. Cổng thông tin điện tử Tổng cục Thuế kiểm tra đối chiếu thông tin với Cổng dịch vụ công Quốc gia và kích hoạt tài khoản cho người nộp thuế.

b) Trường hợp phát sinh giao dịch thuế theo từng lần phát sinh, người nộp thuế thực hiện đăng ký giao dịch điện tử từng lần đồng thời với thời điểm phát sinh giao dịch thuế. Người nộp thuế đã đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế mà có phát sinh nghĩa vụ khai thuế hoặc nộp thuế theo từng lần phát sinh thì sử dụng tài khoản đã đăng ký với cơ quan thuế để thực hiện giao dịch.

3. Đối với người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử theo quy định tại Khoản 1 Điều 8 Thông tư này để thực hiện đăng ký giao dịch điện tử từng lần với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử đồng thời với thời điểm phát sinh giao dịch thuế theo quy định tại Điều ... Nghị định (hướng dẫn Luật QLT).

4. Đối với thủ tục đăng ký nộp thuế điện tử:

a) Người nộp thuế đăng ký nộp thuế điện tử với cơ quan thuế đồng thời phải đăng ký sử dụng dịch vụ nộp thuế với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi mở tài khoản theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Người nộp thuế được lựa chọn đăng ký nộp thuế điện tử tại một hoặc nhiều ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế có tài khoản giao dịch.

b) Trong thời gian cơ quan thuế và Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế mở tài khoản chưa thực hiện việc trao đổi, truyền nhận thông tin tài khoản giao dịch của người nộp thuế theo quy định của pháp luật thì người nộp thuế sau khi hoàn thành việc thực hiện đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế theo quy định tại Điều này phải thực hiện đăng ký với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi mở tài khoản theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.

Ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế mở tài khoản gửi thông báo (theo mẫu số 04/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký nộp thuế điện tử cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong thời hạn chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bản đăng ký của người nộp thuế.

Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ thông báo không chấp nhận nộp thuế điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để hoàn chỉnh thông tin đăng ký hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi có tài khoản để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Điều 18. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin giao dịch điện tử**

1. Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để cập nhật thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký giao dịch thuế điện tử với cơ quan thuế (theo mẫu số 02/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được thông tin thay đổi, bổ sung của người nộp thuế, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Đối với thông tin thay đổi, bổ sung về tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán để nộp thuế điện tử thì người nộp thuế thực hiện đăng ký với ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán nơi người nộp thuế có tài khoản theo quy định tại khoản 4, Điều 17 Thông tư này.

**Điều 19. Ngừng giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử**

1. Trường hợp cơ quan thuế ban hành Thông báo chấm dứt hiệu lực mã số thuế, Thông báo người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký theo quy định của pháp luật về đăng ký thuế hoặc Thông báo về việc doanh nghiệp giải thể/chấm dứt tồn tại của cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã, ngay trong ngày cập nhật trạng thái chấm dứt hiệu lực mã số thuế của người nộp thuế Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ngừng việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử, đồng thời gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc ngừng giao dịch điện tử cho người nộp thuế.

Kể từ thời điểm ngừng giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, người nộp thuế không được thực hiện các thủ tục hành chính thuế điện tử theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Thông tư này. Người nộp thuế được tra cứu các thông tin của giao dịch điện tử trước đó trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế bằng cách sử dụng tài khoản hoặc mã giao dịch thuế điện tử đã được cấp cho đến khi chứng từ điện tử hết thời hạn lưu trữ theo quy định.

2. Người nộp thuế đã ngừng giao dịch điện tử, trường hợp cơ quan thuế có thông báo khôi phục mã số thuế thì người nộp thuế phải thực hiện thủ tục đăng ký như đăng ký lần đầu theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

**Mục 2**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG ĐĂNG KÝ THUẾ**

**Điều 20. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết cho người nộp thuế thực hiện đăng ký thuế điện tử đồng thời với đăng ký kinh doanh theo cơ chế một cửa liên thông**

1. Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; hồ sơ thay đổi thông tin; tạm ngừng kinh doanh; giải thể đến cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Hợp tác xã, Luật tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ, cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã nếu hồ sơ hợp lệ và truyền cho cơ quan thuế.

3. Cơ quan thuế căn cứ vào thông tin về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã do Hệ thống thông tin quốc gia gửi đến thực hiện xử lý:

a) Đối với giao dịch đăng ký thành lập doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

- Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin:

Trường hợp thông tin phù hợp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động tạo mã số doanh nghiệp và thực hiện phân cấp cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp; đồng thời truyền thông tin về mã số doanh nghiệp, thông tin cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp thông tin không phù hợp, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động phản hồi về việc thông tin không phù hợp và truyền sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

- Hệ thống thông tin đăng ký thuế cập nhật thông tin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh sau khi nhận được thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

b) Đối với giao dịch đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

- Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện đăng ký chuyển trụ sở sang quận, huyện, thị xã, tỉnh, thành phố khác:

+ Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động kiểm tra thông tin liên quan đến thủ tục chuyển trụ sở theo quy định của Luật Quản lý thuế

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện chưa hoàn thành thủ tục chuyển trụ sở tại cơ quan thuế theo quy định, Hệ thống thông tin đăng ký thuế truyền thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã để cơ quan Đăng ký kinh doanh, đăng ký hợp tác xã yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện hoàn thành thủ tục chuyển trụ sở tại cơ quan thuế trước khi đăng ký thay đổi.

Trường hợp doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện đã hoàn thành thủ tục chuyển trụ sở với cơ quan thuế theo quy định, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động phân cấp cơ quan thuế quản lý, truyền thông tin sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

+ Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động cập nhật thông tin cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc sang Hệ thống thông tin đăng ký thuế.

- Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, đăng ký thay đổi thông tin khác thông tin địa chỉ trụ sở nêu trên và địa điểm kinh doanh:

Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động kiểm tra sự phù hợp của thông tin và cập nhật thông tin thay đổi của người nộp thuế. Trường hợp Hệ thống thông tin đăng ký thuế không cập nhật được thông tin thay đổi của người nộp thuế thì Tổng cục Thuế tổng hợp danh sách gửi Cục Quản lý đăng ký kinh doanh để kiểm tra, phối hợp với các Phòng Đăng ký kinh doanh có liên quan để xử lý lỗi dữ liệu hoặc hiệu đính thông tin dữ liệu cho phù hợp với quy định.

c) Đối với giao dịch đăng ký tạm ngừng kinh doanh, đăng ký hoạt động trở lại trước thời hạn đã thông báo:

Trên cơ sở thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã truyền sang, Hệ thống thông tin đăng ký thuế tự động nhận và cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

d) Đối với giao dịch đăng ký giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

- Trường hợp doanh nghiệp nộp quyết định giải thể đến cơ quan Đăng ký kinh doanh, đăng ký hợp tác xã:

Trên cơ sở thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã truyền sang, Hệ thống thông tin đăng ký thuế cập nhật vào cơ sở dữ liệu.

- Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã; chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Trên cơ sở thông tin từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã truyền sang, Hệ thống thông tin đăng ký thuế kiểm tra thông tin về tình trạng hoàn thành các nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh theo quy định của pháp luật về quản lý thuế và gửi kết quả phản hồi sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đã hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế, cơ quan thuế chấm dứt hiệu lực mã số thuế của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện theo quy định; cập nhật trạng thái ngừng hoạt động đã hoàn thành thủ tục đóng mã số thuế cho doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và chuyển kết quả hoàn thành việc xử lý chấm dứt hiệu lực mã số thuế sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã.

Trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, cơ quan thuế gửi phản hồi thông tin doanh nghiệp chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế sang Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hợp tác xã để cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan đăng ký hợp tác xã thông báo cho doanh nghiệp, hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải hoàn thành các nghĩa vụ thuế với cơ quan thuế trước khi đăng ký giải thể, chấm dứt hoạt động.

đ) Đối với giao dịch thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh:

Hệ thống thông tin đăng ký thuế cập nhật thông tin về việc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đơn vị trực thuộc từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp truyền sang. Trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu người nộp thuế chưa hoàn thành các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế thì cơ quan thuế có văn bản đề nghị cơ quan Đăng ký kinh doanh không cập nhật tình trạng pháp lý của doanh nghiệp là giải thể theo quy định tại Khoản 5 Điều 203 Luật Doanh nghiệp.

e) Đối với giao dịch khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

- Trường hợp khôi phục tình trạng pháp lý sau khi thu hồi do cưỡng chế nợ thuế: Thủ trưởng cơ quan thuế gửi văn bản đề nghị khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp đến cơ quan đăng ký kinh doanh khi người nộp thuế hoàn thành nợ thuế trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày cơ quan Đăng ký kinh doanh ra Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện khôi phục tình trạng pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định.

- Trường hợp khôi phục tình trạng pháp lý sau khi thu hồi do vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp: Cơ quan đăng ký kinh doanh thực hiện khôi phục tình trạng pháp lý cho doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Hệ thống thông tin đăng ký thuế cập nhật thông tin khôi phục tình trạng pháp lý của doanh nghiệp sau khi nhận được thông tin khôi phục tình trạng pháp lý từ Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

**Điều 21. Đăng ký thuế trực tiếp với cơ quan thuế**

1. Đăng ký thuế lần đầu

a) Người nộp thuế mới thành lập hoặc bắt đầu phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước truy cập vào Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử để khai và nộp hồ sơ đăng ký thuế lần đầu theo quy định tại Thông tư số ..../2020/TT-BTC ngày ..../..../2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế (sau đây gọi là Thông tư số ..../2020/TT-BTC).

b) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận, đối chiếu thông tin và gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thuế của người nộp thuế vào địa chỉ thư điện tử hoặc số điện thoại người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế, thông báo nêu rõ thời gian, địa điểm trả kết quả, đồng thời yêu cầu người nộp thuế mang hồ sơ giấy đến trụ sở cơ quan thuế.

c) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế đủ điều kiện cấp mã số thuế theo quy định, cơ quan thuế giải quyết theo quy định tại Thông tư số ..../2020/TT-BTC.

Người nộp thuế nộp hồ sơ đăng ký thuế bản giấy tại trụ sở của cơ quan thuế ghi trên Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử.

Cơ quan thuế đối chiếu ngay hồ sơ đăng ký thuế bản giấy với hồ sơ đã nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bằng giấy khớp với hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế. Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế bằng bản giấy không khớp đúng với hồ sơ điện tử và thông tin trên hồ sơ bằng bản giấy đầy đủ, chính xác, cơ quan thuế giải quyết theo hồ sơ giấy và trả kết quả đăng ký thuế cho người nộp thuế. Trường hợp thông tin trên hồ sơ bằng bản giấy không đầy đủ, không chính xác, cơ quan thuế hướng dẫn người nộp thuế sửa đổi, bổ sung thông tin và nộp lại hồ sơ đăng ký thuế bản giấy khác.

Sau thời hạn trả kết quả đăng ký thuế 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử mà người nộp thuế không đến cơ quan thuế hoặc đến cơ quan thuế nhưng không có văn bản nêu rõ lý do thì hồ sơ đăng ký thuế điện tử đã nộp không còn hiệu lực.

d) Trường hợp hồ sơ đăng ký thuế không đủ điều kiện cấp mã số thuế theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ ghi trên Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ đăng ký thuế (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Người nộp thuế có trách nhiệm gửi hồ sơ đăng ký thuế điện tử khác qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc nộp hồ sơ bản giấy tại trụ sở cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thay thế cho hồ sơ có sai sót đã gửi đến cơ quan thuế.

2. Đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các thủ tục đăng ký thuế khác

a) Trường hợp người nộp thuế phát sinh thay đổi thông tin đăng ký thuế, tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hiệu lực mã số thuế và các thủ tục đăng ký thuế khác theo quy định tại Thông tư số ..../2020/TT-BTC (như đăng ký cấp mã số thuế khấu trừ, nộp thay, khôi phục mã số thuế, khôi phục sau tạm ngừng kinh doanh trước thời hạn), người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, khai thông tin trên các hồ sơ tương ứng, ký điện tử và gửi cơ quan thuế.

b) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tiếp nhận, kiểm tra và gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ điện tử của người nộp thuế.

c) Trường hợp hồ sơ điện tử đầy đủ theo quy định, cơ quan thuế xử lý và trả kết quả cho người nộp thuế vào địa chỉ thư điện tử đã đăng ký hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong thời hạn quy định tại Thông tư số ..../2020/TT-BTC.

Trường hợp người nộp thuế đăng ký nhận kết quả là Giấy chứng nhận đăng ký thuế hoặc Thông báo mã số thuế qua đường bưu chính thì cơ quan thuế có trách nhiệm gửi kết quả cho người nộp thuế đến địa chỉ người nộp thuế đã đăng ký.

d) Trường hợp hồ sơ điện tử chưa đầy đủ theo quy định, trong thời hạn 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này về việc không chấp nhận hồ sơ cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Người nộp thuế có trách nhiệm gửi hồ sơ điện tử khác qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc nộp hồ sơ bản giấy tại trụ sở cơ quan thuế quản lý trực tiếp để thay thế cho hồ sơ có sai sót đã gửi đến cơ quan thuế.

**Mục 3**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG KÊ KHAI THUẾ**

**Điều 22. Thay đổi nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế**

1. Cơ quan thuế cung cấp thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế bao gồm: loại thuế người nộp thuế phải kê khai, kỳ khai thuế (tháng, quý, năm, từng lần phát sinh, quyết toán thuế), mẫu hồ sơ khai thuế, thời hạn phải nộp hồ sơ khai thuế.

2. Các trường hợp thay đổi thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế:

a) Người nộp thuế có thay đổi thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, ngành nghề kinh doanh, hình thức hạch toán kế toán.... làm thay đổi loại thuế phải nộp;

b) Người nộp thuế có thay đổi phương pháp tính thuế theo quy định của pháp luật, người nộp thuế có thay đổi thông tin liên quan đến hình thức hạch toán kế toán làm thay đổi mẫu hồ sơ khai thuế phải nộp;

c) Kỳ khai thuế: người nộp thuế thay đổi kỳ khai thuế theo quy định của pháp luật.

3. Người nộp thuế khi có thay đổi thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế hoặc thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế không đúng thì sử dụng tài khoản giao dịch điện tử truy cập Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN và Thông báo về việc thay đổi thông tin nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế (theo mẫu ... ban hành kèm theo Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thuế), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế trong thời hạn 02 ngày làm việc trước ngày hết hạn nộp hồ sơ khai thuế.

4. Xử lý hồ sơ thay đổi thông tin về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế:

a) Trường hợp người nộp thuế gửi Thông báo về việc thay đổi thông tin nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế:

Cơ quan thuế thực hiện kiểm tra, rà soát và cập nhật thông tin thay đổi về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế, đồng thời gửi thông tin xác nhận cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đối với thông tin thay đổi về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế đầy đủ, hợp lệ theo quy định tại Khoản 2 Điều này hoặc thông báo cho người nộp thuế về việc không cập nhật thông tin thay đổi về nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế và nêu rõ lý do trong thời gian 02 ngày làm việc kể từ ngày người nộp thuế điều chỉnh thông tin.

b) Trường hợp người nộp thuế phát sinh nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế từng lần, không thường xuyên và người nộp thuế thay đổi nghĩa vụ nộp hồ sơ khai thuế theo hồ sơ khai thuế theo quy định của pháp luật, cơ quan thuế kiểm tra, rà soát và cập nhật nghĩa vụ khai thuế tương ứng với từng hồ sơ khai thuế trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

c) Người nộp thuế mới ra kinh doanh có phát sinh nghĩa vụ khai thuế lần đầu thì cơ quan thuế kiểm tra, rà soát và cập nhật nghĩa vụ khai thuế trên cơ sở hồ sơ khai thuế lần đầu của người nộp thuế gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

**Điều 23. Khai thuế điện tử**

1. Người nộp thuế thực hiện khai thuế điện tử (bao gồm cả khai bổ sung, gửi bản giải trình bổ sung thông tin tài liệu của hồ sơ khai thuế) theo một trong các hình thức và cách thức sau:

a) Hình thức khai:

a1) Khai thuế điện tử trực tuyến;

a2) Khai thuế điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ khai thuế.

b) Cách thức khai:

b1) Đối với hình thức khai thuế điện tử trực tuyến:

- Khai thuế điện tử trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế: người nộp thuế truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; thực hiện khai thuế trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

- Khai thuế điện tử trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền: người nộp thuế truy cập Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; thực hiện khai thuế trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

- Khai thuế điện tử trực tuyến qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN: người nộp thuế truy cập Cổng của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; thực hiện khai thuế trực tuyến tại Cổng của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

Đối với người nộp thuế là nhà cung cấp ở nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử, kinh doanh dựa trên nền tảng số và các dịch vụ khác với tổ chức, cá nhân ở Việt Nam thì thực hiện khai thuế điện tử trực tuyến trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia: người nộp thuế truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia; thực hiện khai thuế trực tuyến tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

b2) Đối với hình thức khai thuế điện tử bằng các phần mềm, công cụ hỗ trợ khai thuế:

Người nộp thuế lập hồ sơ khai thuế điện tử bằng phần mềm, công cụ hỗ trợ đáp ứng chuẩn định dạng dữ liệu của cơ quan thuế; sau đó truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, ký điện tử và gửi hồ sơ khai thuế điện tử cho cơ quan thuế.

c) Trường hợp hồ sơ khai thuế của người nộp thuế là cá nhân bao gồm tài liệu theo quy định của pháp luật mà người nộp thuế không gửi được theo phương thức điện tử thì người nộp thuế đồng thời gửi bảo đảm qua đường bưu chính đến cơ quan thuế. Người nộp thuế là cá nhân chưa được cấp chứng thư số sử dụng mã xác thực giao dịch điện tử khi thực hiện giao dịch nộp hồ sơ khai thuế điện tử thì tin nhắn xác thực giao dịch điện tử phải bao gồm cả các thông tin sau: Mã giao dịch điện tử, Tổng doanh thu tính thuế/thu nhập tính thuế, Số thuế TNCN/thuế khác phải nộp.

2. Cơ quan thuế tiếp nhận hồ sơ khai thuế của người nộp thuế gửi qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN:

a) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế.

b) Chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ghi trên thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b1) Trường hợp chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) trong đó xác nhận ngày nộp hồ sơ khai thuế, số tiền thuế người nộp thuế phải nộp ngân sách nhà nước và mã định danh của từng khoản phải nộp ngân sách (ID) mà người nộp thuế khai trên hồ sơ khai thuế.

Đối với các hồ sơ khai thuế có thông báo mã định danh khoản phải nộp ngân sách (ID) thì khi thực hiện điều chỉnh, bổ sung hồ sơ khai thuế, người nộp thuế sử dụng mã định danh khoản nộp (ID) để khai điểu chỉnh, bổ sung.

b2) Trường hợp cơ quan thuế không chấp nhận hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, trong đó nêu rõ lý do.

c) Riêng đối với hồ sơ khai thuế có bao gồm tài liệu kèm theo được gửi qua đường bưu chính cơ quan thuế đối chiếu ngay hồ sơ bản giấy với hồ sơ đã nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế. Chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày ghi tiếp nhận hồ sơ tài liệu kèm theo qua đường bưu chính, cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp hồ sơ bằng giấy khớp với hồ sơ khai thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

Trường hợp hồ sơ khai thuế bằng bản giấy không khớp đúng với hồ sơ điện tử thì cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử đồng thời nêu rõ lý do để NNT hoàn chỉnh hồ sơ khai thuế.

d) Người nộp thuế được xác định là chưa nộp hồ sơ khai thuế trong trường hợp hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế theo quy định tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành, người nộp thuế không nộp lại hồ sơ khai thuế hoặc có nộp lại hồ sơ khai thuế nhưng không được cơ quan thuế chấp nhận.

**Điều 24. Thông báo về việc chưa nộp hồ sơ khai thuế**

Căn cứ nghĩa vụ khai thuế của người nộp thuế, nếu người nộp thuế chưa nộp hồ sơ khai thuế thì:

1. Cơ quan thuế gửi Thông báo đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế (theo mẫu 07/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nộp hồ sơ khai thuế, hoặc kết thúc thời hạn gia hạn nộp hồ sơ khai thuế, hoặc kể từ ngày hết hạn giải trình, bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan thuế.

2. Sau 05 (năm) ngày làm việc kể từ thời điểm Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế (theo mẫu 07/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), nếu người nộp thuế chưa nộp hồ sơ khai thuế, cơ quan thuế gửi Thông báo đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế lần 2 (theo mẫu 07/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Đồng thời, cơ quan thuế thực hiện gửi Thông báo đôn đốc nộp hồ sơ khai thuế cho người nộp thuế qua đường bưu chính đến địa chỉ trụ sở chính hoặc địa chỉ nhận thông báo thuế đã đăng ký.

3. Đối với người nộp thuế tiếp tục không nộp hồ sơ khai thuế theo thông báo lần 2 của cơ quan thuế, cơ quan thuế thực hiện xác minh tình trạng hoạt động của người nộp thuế tại địa chỉ đã đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc cơ quan thuế để thực hiện theo quy định về quản lý thuế.

**Mục 4**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG NỘP THUẾ**

**Điều 25. Cung cấp thông tin hỗ trợ nộp thuế điện tử**

Cơ quan thuế có trách nhiệm cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để người nộp thuế và các tổ chức có liên quan thực hiện nộp thuế điện tử, bao gồm:

1. Danh mục dùng chung phục vụ thu ngân sách nhà nước, bao gồm: Danh mục Kho bạc Nhà nước, Danh mục cơ quan thuế, Danh mục ngân hàng uỷ nhiệm thu, Danh mục ngân hàng phối hợp thu, Danh mục tài khoản thu ngân sách nhà nước, Danh mục mã chương, Danh mục mã tiểu mục (mã nội dung kinh tế).

2. Dữ liệu về người nộp thuế bao gồm: Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ, mã chương, tên và mã cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

3. Dữ liệu về khoản thuế

a) Đối với trường hợp khoản phải nộp có mã định danh (ID) dữ liệu về khoản thuế bao gồm: Mã số thuế của người nộp thuế, tên người nộp thuế, mã định danh khoản phải nộp, tên khoản nộp ngân sách nhà nước, mã và tên Kho bạc Nhà nước hạch toán thu.

b) Đối với trường hợp khoản phải nộp không có mã định danh (ID) thì dữ liệu khoản thuế ngoài các dữ liệu nêu tại Điểm a Khoản này cần bổ sung các thông tin sau: Nội dung khoản phải nộp, số tiền phải nộp, loại tiền, số quyết định/thông báo của cơ quan có thẩm quyền đối với khoản phải nộp (nếu có), kỳ thuế, tên tài khoản nộp ngân sách nhà nước, mã và tên chương, mã và tên tiểu mục, mã và tên cơ quan quản lý thu, mã và tên địa bàn thu ngân sách.

**Điều 26. Nộp thuế điện tử thông qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.**

1. Nộp thuế điện tử thông qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế

a) Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và thực hiện lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại khoản 4a, Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/1/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

- Đối với khoản nộp đã được cơ quan thuế thông báo mã định danh khoản phải nộp (ID) thì người nộp thuế chỉ cần ghi chính xác thông tin mã định danh khoản phải nộp và kiểm tra các thông tin liên quan đến khoản nộp trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước hiển thị do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hỗ trợ cung cấp nêu tại Điều 25 Thông tư này; trường hợp khớp đúng, người nộp thuế ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Đối với khoản nộp không có hoặc chưa có thông báo mã định danh khoản phải nộp (ID) của cơ quan thuế thì người nộp thuế lập đầy đủ thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước, ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Tiếp nhận và xử lý chứng từ nộp ngân sách nhà nước tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b1) Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ của thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước, xác thực chữ ký điện tử của người nộp thuế và gửi thông báo (mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế để thông báo tiếp nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước của người nộp thuế hoặc thông báo lý do không nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử của người nộp thuế.

Trường hợp người nộp thuế sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế thông qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp người nộp thuế nộp ngân sách nhà nước qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận chứng từ nộp ngân sách nhà nước (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế thông qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b2) Đối với chứng từ nộp ngân sách nhà nước hợp lệ, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện ký điện tử bằng chữ ký số của Tổng cục Thuế lên chứng từ nộp ngân sách nhà nước, gửi thông tin đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán mà người nộp thuế đã lựa chọn khi lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước bao gồm các thông tin, cụ thể:

+ Trường hợp các khoản nộp ngân sách nhà nước có ghi đầy đủ thông tin mã định danh khoản phải nộp (ID) của từng khoản nộp NSNN thì nội dung truyền đi bao gồm: số chứng từ nộp ngân sách nhà nước, mã định danh khoản phải nộp (ID), thông tin tài khoản ngân hàng của người nộp thuế, tổng số tiền nộp thuế trên chứng từ, thông tin Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách.

+ Trường hợp các khoản nộp ngân sách nhà nước không ghi đầy đủ thông tin mã định danh khoản phải nộp (ID) của từng khoản nộp NSNN thì nội dung truyền đi bao gồm: số chứng từ nộp NSNN, thông tin tài khoản ngân hàng của người nộp thuế, tổng số tiền nộp thuế, thông tin Kho bạc Nhà nước hạch toán thu ngân sách.

b3) Sau khi truyền thông tin đến ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận thông báo (theo mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc nộp thuế thành công kèm Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước (nếu có) hoặc nộp thuế chưa thành công do ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi đến, đồng thời gửi vào tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế.

b4) Đối với chứng từ nộp ngân sách nhà nước thành công, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế cung cấp toàn bộ thông tin khoản đã nộp theo số chứng từ nộp ngân sách nhà nước, mã định danh khoản phải nộp (ID) (nếu có) trên Cổng thông tin của Tổng cục Thuế để Kho bạc nhà nước, ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản có cơ sở tra cứu phục vụ theo dõi, hạc toán. Kho bạc Nhà nước căn cứ chứng từ báo có của ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản và thông tin về khoản nộp ngân sách nhà nước trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện hạch toán thu ngân sách.

c) Tại ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã tham gia kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế nơi người nộp thuế lựa chọn khi lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước.

Sau khi nhận được chứng từ nộp ngân sách của người nộp thuế do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế truyền sang, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện kiểm tra thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và điều kiện trích nợ tài khoản của người nộp thuế:

- Trường hợp thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước không hợp lệ hoặc hợp lệ nhưng không đủ điều kiện trích nợ, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thông báo về việc nộp thuế chưa thành công (mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), gửi phản hồi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Trường hợp thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước hợp lệ, đủ điều kiện trích nợ, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện trích nợ tài khoản của người nộp thuế theo thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước và ký điện tử trên thông báo về việc nộp thuế thành công (mẫu số 05/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), đồng thời gửi kèm chứng từ nộp ngân sách nhà nước có chữ ký số của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán gửi phản hồi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để xác nhận việc nộp ngân sách nhà nước thành công. Thời hạn trả thông báo về việc nộp thuế thành công thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước.

d) Tổng cục Thuế chủ trì phối hợp với Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng quy định cụ thể về các thông tin truyền nhận giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế với ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/Kho bạc Nhà nước để đảm bảo đủ thông tin hạch toán thu ngân sách, đồng thời đơn giản hóa quy trình truyền, nhận thông tin giữa các hệ thống, giảm tối thiểu các thông tin phải khai khi nộp thuế của người nộp thuế nhằm giảm các sai sót về khoản nộp.

2. Đối với người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện nộp thuế điện tử. Sau khi đăng nhập thành công vào Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, người nộp ngân sách nhà nước thực hiện các bước tiếp theo tương tự như trường hợp nộp ngân sách nhà nước qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế nêu tại Khoản 1 Điều này, việc phản hồi các thông báo nộp ngân sách nhà nước điện tử gửi cho tài khoản của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 27. Nộp thuế điện tử thông qua các kênh giao dịch điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán.**

1. Người nộp thuế lập chứng từ nộp ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4b, Điều 4 Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20/01/2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo hướng dẫn tại khoản 1 Điều 26 Thông tư này.

2. Việc tiếp nhận và xử lý chứng từ nộp ngân sách nhà nước điện tử của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán được thực hiện theo quy định của ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. Sau khi hoàn thành việc trích nợ và thông báo cho người nộp thuế, ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thực hiện các thủ tục chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách nhà nước theo quy định về phối hợp thu và quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này tới ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản để thực hiện theo quy định về phối hợp thu ngân sách nhà nước.3. Đối với các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán đã tham gia kết nôi với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện truyền thông tin khoản nộp theo quy định về trao đổi thông tin thu nộp ngân sách nhà nước đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để phục vụ tra cứu hạch toán thu ngân sách của Kho bạc Nhà nước và ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản, cụ thể một số nội dung:

- Đối với chứng từ nộp ngân sách nhà nước có đầy đủ thông tin mã định danh khoản phải nộp (ID), ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán truyền thông tin khoản nộp theo số chứng từ nộp ngân sách nhà nước, thông tin số tiền nộp theo từng mã định danh khoản phải nộp (ID), ngày nộp thuế điện tử của người nộp thuế đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế.

- Đối với chứng từ nộp ngân sách nhà nước không có thông tin mã định danh khoản phải nộp (ID), ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán truyền thông tin số chứng từ nộp ngân sách nhà nước và đầy đủ thông tin của các khoản nộp, ngày nộp thuế điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận và lưu trữ thông tin do ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán truyền đến để phục vụ tra cứu và hạch toán thu ngân sách. Kho bạc Nhà nước căn cứ chứng từ báo có của ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản và thông tin về khoản nộp ngân sách nhà nước trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện hạch toán thu ngân sách nhà nước.

4. Đối với các ngân hàng hoặc tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán chưa tham gia kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thực hiện truyền đầy đủ thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước đến ngân hàng nơi Kho bạc nhà nước mở tài khoản. Ngân hàng nơi Kho bạc nhà nước mở tài khoản thực hiện truyền thông tin thu ngân sách nhà nước đến Kho bạc Nhà nước, đồng thời truyền thông tin theo quy định về phối hợp thu ngân sách nhà nước và quy định tại khoản 3 Điều này đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lưu trữ phục vụ tra cứu, hạch toán thu ngân sách nhà nước.

**Điều 28. Xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế**

1. Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để lập và gửi đề nghị xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế (theo mẫu số 01/XNNS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) (bao gồm: xác nhận số thuế đã nộp ngân sách nhà nước, xác nhận về thực hiện nghĩa vụ thuế của người nộp thuế), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được văn bản đề nghị của người nộp thuế.

Trong thời hạn quy định tại Điều....Thông tư số.... /2020/TT-BTC (Thông tư chung hướng dẫn Luật Quản lý thuế) kể từ ngày tiếp nhận văn bản đề nghị của người nộp thuế, cơ quan thuế rà soát, đối chiếu thông tin do cơ quan thuế quản lý và gửi thông báo xác nhận/không xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế (theo mẫu số 02/XNNS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) hoặc yêu cầu bổ sung thông tin để có cơ sở xác nhận gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, thời gian bổ sung thông tin không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ xác nhận.

3. Xử lý chênh lệch sau khi cơ quan thuế gửi Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước của người nộp thuế

- Trường hợp sau khi cơ quan thuế gửi Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, người nộp thuế phát hiện chênh lệch thì người nộp thuế gửi văn bản đề nghị tra soát (theo mẫu số 01/TTS-TĐT ban hành kèm Thông tư này) đến cơ quan thuế cấp văn bản xác nhận qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để yêu cầu đối chiếu, điều chỉnh dữ liệu (nếu có).

- Trường hợp sau khi cơ quan thuế gửi Thông báo xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước, cơ quan thuế tự phát hiện có chênh lệch thì cơ quan thuế có Thông báo điều chỉnh Thông báo xác nhận đã ban hành gửi người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

4. Thông báo về xử lý bù trừ nghĩa vụ của người nộp thuế

a) Trường hợp cơ quan thuế thực hiện bù trừ tự động tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ, cơ quan thuế gửi thông báo cho người nộp thuế qua tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế.

Người nộp thuế thực hiện cập nhật thông tin về việc bù trừ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa với tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt còn nợ để tiếp tục thực hiện nghĩa vụ nộp thuế (nếu có). Nếu phát hiện chênh lệch thì người nộp thuế gửi văn bản đề nghị tra soát (theo mẫu số 01/TTS-TĐT ban hành kèm Thông tư này) đến cơ quan thuế quản lý khoản thu nơi thực hiện bù trừ qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để yêu cầu đối chiếu, điều chỉnh dữ liệu (nếu có).

b) Trường hợp người nộp thuế có tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa đồng thời có tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nợ không thuộc trường hợp cơ quan thuế bù trừ tự động thì người nộp thuế thực hiện thủ tục hoàn kiêm bù trừ theo quy định và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo hướng dẫn tại Mục 5 Thông tư này.

5. Định kỳ theo quy định tại Điều.....Thông tư số ...../2020/TT-BTC (Thông tư chung hướng dẫn Luật Quản lý thuế), Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thông báo trên tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế do Tổng cục Thuế cấp về tình hình xử lý các khoản phải nộp, đã nộp, còn phải nộp, nộp thừa, miễn giảm/xoá nợ, được hoàn, đã hoàn, còn được hoàn phát sinh trong tháng trước và các khoản còn phải nộp, nộp thừa, còn được hoàn đến thời điểm cuối tháng trước đã được ghi nhận trong hệ thống quản lý thuế.

Trường hợp người nộp thuế phát hiện chênh lệch thì gửi Thư tra soát (theo mẫu số 01/TTS-TĐT ban hành kèm Thông tư này) đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để yêu cầu đối chiếu, điều chỉnh dữ liệu (nếu có).

**Điều 29. Lập, gửi và trả kết quả xử lý sai sót, tra soát và điều chỉnh thông tin nộp thuế**

Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập Thư tra soát (mẫu số 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi cơ quan thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được Thư tra soát của người nộp thuế.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Thư tra soát của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, cơ quan thuế kiểm tra, đối chiếu và ban hành Thông báo điều chỉnh hoặc không điều chỉnh, lý do không điều chỉnh thông tin nộp thuế (theo mẫu số 06/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc yêu cầu bổ sung thông tin để có cơ sở điều chỉnh theo đề nghị của người nộp thuế, thời gian bổ sung thông tin không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ. Riêng đối với đề nghị điều chỉnh thông tin thu nộp đối với các khoản thu liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản do sai, sót trên Thông báo của cơ quan thuế thì trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Thư tra soát của người nộp thuế, cơ quan thuế ban thành Thông báo điều chỉnh thông tin nộp thuế (theo mẫu số 06/TB-TĐT) ban hành kèm theo Thông tư này gửi cho người nộp thuế qua Cổng thong tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Việc xử lý sai sót, tra soát và điều chỉnh thông tin thu nộp thuế được thực hiện theo quy định tại Điều 45 Thông tư này. Ngoài ra, đối với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán thì thực hiện phối hợp tra soát theo quy định tại Điều 31 Nghị định ... hướng dẫn Luật Quản lý thuế quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của ngân hàng thương mại.

**Điều 30. Cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi**

Trường hợp người nộp thuế có đề nghị cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi thì ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế trích tài khoản thực hiện cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi hoặc bản sao chứng từ nộp ngân sách nhà nước, cụ thể:

1. Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế đã thực hiện giao dịch trích tiền từ tài khoản của người nộp thuế để nộp vào ngân sách nhà nước có trách nhiệm cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi cho người nộp thuế.

2. Thủ tục cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi được thực hiện theo quy định của ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp tiền vào ngân sách nhà nước.

3. Chứng từ phục hồi có giá trị pháp lý như chứng từ gốc. Đối với chứng từ phục hồi phải có đầy đủ các thông tin theo chứng từ gốc và có ngày cấp chứng từ phục hồi, chữ ký, tên cán bộ đại diện, đóng dấu của ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/Kho bạc Nhà nước cấp chứng từ nộp ngân sách nhà nước phục hồi theo quy định.

**Mục 5**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG HOÀN THUẾ**

**Điều 31. Lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn thuế điện tử**

1. Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đề nghị hoàn đến cơ quan thuế như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế là Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước và các tài liệu kèm theo, người nộp thuế thực hiện theo một trong các phương thức như sau:

- Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định, ký điện tử và gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế.

- Người nộp thuế lập hồ sơ đề nghị hoàn thuế theo quy định, ký điện tử và gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN: Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hoàn thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trên hồ sơ khai thuế và không phải gửi Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước thì việc lập và gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử được thực hiện đồng thời với việc lập và gửi hồ sơ khai thuế điện tử theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

2. Thông báo tiếp nhận/chấp nhận hồ sơ hoàn thuế

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị hoàn thuế là Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước và các tài liệu kèm theo.

Chậm nhất 15 phút kể từ khi tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ hoàn thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

b) Trường hợp người nộp thuế đề nghị hoàn thuế trên hồ sơ khai thuế:

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử đồng thời với thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử. Việc trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này và Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ hoàn thuế theo quy định được tính từ ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ hoàn thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

**Điều 32. Thông báo kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế điện tử**

1. Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị hoàn thuế của người nộp thuế đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế và gửi kết quả giải quyết hồ sơ hoàn thuế của người nộp thuế (thông báo, quyết định liên quan đến quá trình giải quyết hoàn thuế, kết quả giải quyết hoàn thuế của cơ quan thuế) qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ đề nghị hoàn qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Cơ quan thuế gửi quyết định hoàn thuế hoặc quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu ngân sách nhà nước cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Ngay sau khi Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước được ban hành, cơ quan thuế gửi Lệnh hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước hoặc Lệnh hoàn trả kiêm bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước sang Kho bạc Nhà nước bằng phương thức điện tử.

4. Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán hoàn trả, hạch toán bù trừ thu ngân sách nhà nước và chuyển tiền hoàn thuế vào tài khoản của người nộp thuế tại ngân hàng theo thông tin cơ quan thuế cung cấp theo quy định hiện hành.

Việc truyền, nhận thông tin hạch toán hoàn trả, hạch toán bù trừ khoản thu ngân sách nhà nước giữa cơ quan thuế và Kho bạc Nhà nước được thực hiện theo quy định về trao đổi thông tin giữa Kho bạc Nhà nước và cơ quan thuế hiện hành.

5. Trường hợp chưa thực hiện truyền nhận thông tin hoàn trả theo hình thức điện tử giữa cơ quan thuế và Kho bạc Nhà nước thì cơ quan thuế thực hiện luân chuyển chứng từ giấy sang Kho bạc Nhà nước để Kho bạc Nhà nước thực hiện chi hoàn cho người nộp thuế.

**Mục 6**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG MIỄN GIẢM THUẾ**

**Điều 33. Tiếp nhận và trả kết quả giải quyết hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế điện tử gửi trực tiếp đến cơ quan thuế**

1. Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế đến cơ quan thuế như sau:

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế là Văn bản/Đơn đề nghị miễn giảm và các tài liệu kèm theo, người nộp thuế thực hiện theo một trong các phương thức như sau:

- Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo quy định, ký điện tử và gửi qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, lập hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo quy định trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế.

- Người nộp thuế lập hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế theo quy định, ký điện tử và gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN: Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Trường hợp người nộp thuế đề nghị miễn, giảm thuế trên hồ sơ khai thuế và không phải gửi Văn bản/Đơn đề nghị miễn giảm thì việc lập và gửi hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử được thực hiện đồng thời với việc lập và gửi hồ sơ khai thuế điện tử theo quy định tại Điều 23 Thông tư này.

2. Thông báo tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử

a) Trường hợp hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế là Văn bản/Đơn đề nghị miễn giảm và các tài liệu kèm theo.

Chậm nhất 15 phút sau khi tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo về việc tiếp nhận nộp hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ miễn giảm thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

b) Trường hợp người nộp thuế đề nghị miễn, giảm thuế đồng thời là hồ sơ khai thuế:

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử đồng thời với thông báo tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử. Việc trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Thông tư này và Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử được thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này.

c) Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử được tính từ ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Xử lý hồ sơ miễn giảm thuế

Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình giải quyết hồ sơ còn thiếu thông tin cần giải trình, bổ sung tài liệu thì cơ quan thuế gửi Thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu (theo mẫu số 01/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số …./2020/TT-BTC) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

Trường hợp người nộp thuế đã giải trình và bổ sung thông tin, tài liệu nếu không đủ căn cứ chứng minh số tiền thuế đã khai là đúng thì cơ quan thuế gửi Thông báo giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu (lần 2) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận văn bản giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu của người nộp thuế đối với hồ sơ đề nghị miễn, giảm đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử

a) Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế cho người nộp thuế có tài khoản giao dịch thuế điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế (là các thông báo, quyết định liên quan đến quá trình giải quyết miễn, giảm thuế, kết quả giải quyết miễn, giảm thuế của cơ quan thuế đối với hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế).

b) Người nộp thuế có tài khoản giao dịch thuế điện tử thực hiện tiếp nhận kết quả giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế của người nộp thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

**Điều 34. Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết cho người nộp thuế thực hiện miễn giảm thuế điện tử đồng thời với thực hiện thủ tục hành chính về quản lý và sử dụng đất đai theo cơ chế một cửa liên thông**

1. Gửi hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế điện tử

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông tiếp nhận hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế theo cơ chế một cửa liên thông, ký điện tử và truyền hồ sơ sang cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Thông báo tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử

Chậm nhất 15 phút sau khi tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo về việc tiếp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ để cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông gửi cho người nộp thuế.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo về việc tiếp nhận nộp hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử, cơ quan thuế gửi Thông báo về việc chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ miễn giảm thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ để cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông gửi cho người nộp thuế.

Thời hạn giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử được tính từ ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

3. Xử lý hồ sơ miễn giảm thuế

a) Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình giải quyết hồ sơ còn thiếu thông tin cần giải trình, bổ sung thông tin tài liệu thì cơ quan thuế gửi Thông báo đề nghị giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu (theo mẫu số 01/KTTT ban hành kèm theo Thông tư số …./2020/TT-BTC) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ để cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông gửi cho người nộp thuế.

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận hồ sơ giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu do cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông tiếp nhận và gửi đến đối với hồ sơ đề nghị miễn, giảm đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông có trách nhiệm hướng dẫn người nộp thuế kê khai hồ sơ miễn giảm thuế; tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, thống nhất thông tin của hồ sơ miễn giảm thuế. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn người nộp thuế hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Trường hợp hồ sơ đầy đủ thì tiếp nhận và luân chuyển cơ quan thuế theo quy định.

4. Trả kết quả giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế điện tử

a) Cơ quan thuế gửi kết quả giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế (là các thông báo, quyết định liên quan đến quá trình giải quyết miễn, giảm thuế, kết quả giải quyết miễn, giảm thuế của cơ quan thuế đối với hồ sơ đề nghị miễn, giảm thuế của người nộp thuế) qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đến Cổng thông tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông có trách nhiệm gửi kết quả giải quyết hồ sơ miễn, giảm thuế đến người nộp thuế để người nộp thuế được biết và thực hiện.

5. Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong việc cung cấp thông tin trong giải quyết hồ sơ miễn giảm thuế

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ theo cơ chế một cửa liên thông phải chịu trách nhiệm về việc không cung cấp thông tin đúng thời hạn hoặc cung cấp thông tin không đầy đủ cho cơ quan thuế làm ảnh hưởng đến thời gian giải quyết miễn, giảm thuế của người nộp thuế trong trường hợp phát sinh việc bồi thường cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

**Mục 7**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG QUẢN LÝ NỢ THUẾ VÀ CƯỠNG CHẾ NỢ THUẾ**

**Điều 35. Các văn bản hành chính trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế và phương thức thực hiện giao dịch điện tử trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế**

1. Các văn bản hành chính trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

Các văn bản hành chính trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế được giao dịch bằng phương thức điện tử, bao gồm:

a) Thông báo tiền thuế nợ; Thông báo về việc hóa đơn không còn giá trị sử dụng; Thông báo về việc hóa đơn tiếp tục có giá trị sử dụng;

b) Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

c) Văn bản đề nghị cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc giấy phép thành lập và hoạt động hoặc giấy phép hành nghề hoặc giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện;

d) Thông báo tạm hoãn, gia hạn, giải tỏa tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh và người nộp thuế;

e) Văn bản xử lý nợ (miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ);

g) Văn bản xác minh thông tin về người nộp thuế (gửi ngân hàng thương mại, bên thứ ba khác,...);

h) Các văn bản hành chính khác (nếu có).

2. Phương thức thực hiện giao dịch điện tử trong công tác quản lý nợ và cưỡng chế nợ thuế

a) Phương thức thực hiện giao dịch điện tử đối với các văn bản hành chính quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 35 Thông tư này

Cơ quan thuế ban hành, ký điện tử các thông báo, quyết định, văn bản quy định tại Khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 35 Thông tư này (đối với các chứng từ giấy cần được chuyển đổi thành chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định 165/2018/NĐ-CP) gửi cho người nộp thuế ngay trong ngày ban hành qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp phát hiện sai sót thì người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập Thư tra soát (theo mẫu 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến cơ quan quản lý thuế ban hành thông báo, quyết định, văn bản qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để đối chiếu, điều chỉnh dữ liệu (nếu có).

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ thuế điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được Thư tra soát của người nộp thuế

Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận thư tra soát của người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, cơ quan thuế kiểm tra, đối chiếu và ban hành Thông báo điều chỉnh hoặc không điều chỉnh, lý do không điều chỉnh thông tin (theo mẫu số 06/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc yêu cầu bổ sung thông tin để có cơ sở điều chỉnh theo đề nghị của người nộp thuế, thời gian bổ sung thông tin không tính vào thời gian giải quyết hồ sơ.

b) Phương thức thực hiện giao dịch điện tử đối với văn bản hành chính quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư này

b1) Người nộp thuế lập và gửi hồ sơ miễn tiền chậm nộp; không tính tiền chậm nộp; xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt; gia hạn nộp thuế; nộp dần tiền thuế nợ (gọi chung là hồ sơ xử lý nợ) đến cơ quan thuế như sau:

Người nộp thuế truy cập vào Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử lập hồ sơ xử lý nợ theo quy định (đối với các tài liệu kèm theo là chứng từ giấy cần được chuyển đổi thành chứng từ điện tử theo quy định tại Nghị định 165/2018/NĐ-CP), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Sau khi nhận được hồ sơ xử lý nợ của người nộp thuế, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b2) Thông báo tiếp nhận/chấp nhận hồ sơ xử lý nợ bằng phương thức điện tử

Chậm nhất 15 phút kể từ khi tiếp nhận hồ sơ xử lý nợ, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ xử lý nợ điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế.

Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc hoặc 10 (mười) ngày (đối với hồ sơ xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt) kể từ ngày gửi Thông báo tiếp nhận nộp hồ sơ xử lý nợ, cơ quan Thuế gửi Thông báo chấp nhận/không chấp nhận hồ sơ xử lý nợ (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử.

Thời hạn giải quyết hồ sơ xử lý nợ theo quy định được tính từ ngày ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ xử lý nợ điện tử (theo mẫu 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

b3) Thông báo kết quả giải quyết hồ sơ xử lý nợ bằng phương thức điện tử

Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ xử lý nợ của người nộp thuế đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế và gửi kết quả xử lý nợ của người nộp thuế (thông báo, quyết định, văn bản liên quan đến quá trình xử lý nợ, kết quả xử lý nợ của cơ quan thuế) qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ xử lý nợ qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

c) Phương thức giao dịch điện tử đối với văn bản hành chính quy định tại Khoản 7 Điều 35 Thông tư này

c1) Người nộp thuế lập và gửi văn bản kèm các chứng từ điện tử khác (nếu có) (gọi chung là hồ sơ điện tử) đến cơ quan thuế như sau:

Người nộp thuế sử dụng tài khoản giao dịch thuế điện tử truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền tạo hồ sơ điện tử theo quy định, ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế hoặc người nộp thuế tạo hồ sơ điện tử và gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, sau khi nhận được hồ sơ điện tử, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có trách nhiệm gửi ngay hồ sơ đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

c2) Thông báo kết quả giải quyết hồ sơ điện tử

Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết hồ sơ của người nộp thuế đã tiếp nhận bằng phương thức điện tử theo quy định của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn Luật quản lý thuế, gửi kết quả xử lý (thông báo, quyết định, văn bản liên quan đến quá trình xử lý hồ sơ của cơ quan thuế) qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.”

**Mục 8**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH, CÔNG KHAI THÔNG TIN CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

**Điều 36. Xử lý hành vi vi phạm hành chính trong giao dịch thuế bằng phương thức điện tử**

1. Cơ quan thuế lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng phương thức điện tử:

a) Về đăng ký thuế: Người nộp thuế khi có hành vi vi phạm về thời hạn đăng ký thuế; thời hạn thông báo đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế; thời hạn thông báo đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế thì cơ quan thuế căn cứ ngày nộp hồ sơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư này được ghi trên thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký thuế/hồ sơ đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế/hồ sơ đăng ký chấm dứt hiệu lực mã số thuế (mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) và thời hạn quy định tại Luật Quản lý thuế và văn bản hướng dẫn thi hành để xác định số ngày chậm nộp hồ sơ và lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

b) Về khai thuế: Người nộp thuế khi có hành vi vi phạm về chậm nộp hồ sơ khai thuế thì cơ quan thuế căn cứ thời điểm xác nhận nộp hồ sơ khai thuế điện tử theo quy định tại Điều 10 Thông tư này được ghi trên Thông báo chấp nhận hồ sơ khai thuế điện tử (mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) để xác định số ngày chậm nộp hồ sơ và lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

c) Về hoàn thuế, miễn giảm thuế: Trường hợp cơ quan thuế yêu cầu người nộp thuế giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu liên quan đến hồ sơ hoàn thuế, hồ sơ miễn giảm thuế nhưng người nộp thuế không giải trình, bổ sung thông tin, tài liệu hoặc có cung cấp nhưng không đầy đủ, không chính xác thì cơ quan thuế căn cứ thực tế hành vi vi phạm để lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Người nộp thuế tiếp nhận, giải trình Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng phương thức điện tử của cơ quan thuế:

Người nộp thuế có trách nhiệm tiếp nhận Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng điện tử do cơ quan thuế gửi qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Ngày người nộp thuế nhận được Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng phương thức điện tử của cơ quan thuế là ngày cơ quan thuế lập Biên bản vi phạm hành chính về xử phạt vi phạm hành chính bằng phương thức điện tử; đồng thời là ngày cơ quan thuế gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Chậm nhất 05 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về thuế của cơ quan thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, người nộp thuế được giải trình bổ sung các nội dung nêu tại Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về thuế và gửi cho cơ quan thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; hoặc gửi văn bản, hồ sơ giải trình bổ sung thông tin tài liệu bằng giấy đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp; trường hợp người nộp thuế thực hiện giải trình trực tiếp thì trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về thuế của cơ quan thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, người phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp và cơ quan thuế có văn bản gia hạn theo đề nghị của tổ chức, cá nhân vi phạm theo quy định tại Điều 35 của Nghị định xử phạt vi phạm hành chính về thuế thì thời hạn giải trình tính theo văn bản gia hạn nhưng tối đa không quá 10 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được Biên bản xử phạt vi phạm hành chính về thuế của cơ quan thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Cơ quan thuế ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế bằng phương thức điện tử:

Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo tiếp nhận hồ sơ giải trình, bổ sung thông tin tài liệu điện tử (theo mẫu 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho người nộp thuế chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ giải trình, bổ sung thông tin tài liệu điện tử của người nộp thuế.

Sau thời hạn giải trình nêu tại Khoản 2 Điều này, cơ quan thuế căn cứ hành vi vi phạm hành chính thuế của người nộp thuế đã nêu trong Biên bản vi phạm hành chính thuế và các văn bản, hồ sơ giải trình bổ sung thông tin tài liệu về các tình tiết giảm nhẹ của người nộp thuế (nếu có) để ban hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế và gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN. Đồng thời cơ quan thuế gửi Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho người nộp thuế qua đường bưu chính đến địa chỉ đã đăng ký.

Trường hợp không chấp nhận nội dung giải trình, bổ sung thông tin tài liệu của người nộp thuế thì cơ quan thuế gửi Thông báo không chấp nhận giải trình, bổ sung thông tin tài liệu (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đồng thời cùng với Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Người nộp thuế có trách nhiệm thi hành Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về thuế của cơ quan thuế đã gửi cho người nộp thuế qua Cổng thông tin giao dịch thuế điện tử hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

**Điều 37. Công khai thông tin của người nộp thuế**

Cơ quan thuế thực hiện công khai thông tin của người nộp thuế thuộc diện phải công khai theo quy định tại Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành trên Trang thông tin điện tử của Tổng cục Thuế ([www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế; đồng thời gửi vào tài khoản giao dịch điện tử của người nộp thuế ngay trong ngày làm việc hoặc chậm nhất ngày làm việc tiếp theo kể từ ngày cơ quan thuế ban hành Quyết định hoặc Thông báo liên quan đến nội dung công khai thông tin của người nộp thuế.

**Chương III**

**TRAO ĐỔI THÔNG TIN, DỮ LIỆU GIỮA CƠ QUAN THUẾ VỚI NGÂN HÀNG, TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN, TỔ CHỨC ỦY NHIỆM THU VÀ CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ**

**Mục 1**

**TRAO ĐỔI THÔNG TIN GIỮA CƠ QUAN THUẾ**

**CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN QUA TÀI KHOẢN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ**

**Điều 38. Đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế**

Để giao dịch điện tử với cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế thì cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện đăng ký tài khoản giao dịch điện tử với cơ quan thuế như sau:

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế đăng ký giao dịch điện tử với cơ quan thuế (theo mẫu số 03/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

2. Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động kiểm tra tính đầy đủ của các thông tin trên văn bản đề nghị, tính hiệu lực của chữ ký số và thẩm quyền của người ký điện tử trên văn bản đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định.

a) Trường hợp chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động trả thông báo cấp tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu thuế điện tử của cơ quan thuế theo mẫu số 08/TB-TĐT cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế chậm nhất 15 phút kể từ thời điểm nhận được văn bản đề nghị cấp tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu thông tin dữ liệu điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

b) Trường hợp không chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tự động trả thông báo không chấp nhận cấp tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu thuế điện tử của cơ quan thuế (theo mẫu số 08/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) qua địa chỉ thư điện tử đã đăng ký với cơ quan thuế chậm nhất 15 phút kể từ thời điểm nhận được văn bản đề nghị cấp tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu thông tin dữ liệu điện tử cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kèm theo lý do không chấp nhận để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoàn chỉnh thông tin đăng ký hoặc liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Điều 39. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu thuế điện tử với cơ quan thuế**

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để cập nhật thay đổi, bổ sung thông tin đăng ký tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu thuế điện tử với cơ quan thuế (theo mẫu số 04/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin thay đổi, bổ sung của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 08/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu điện tử với cơ quan thuế cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kèm theo lý do không chấp nhận để cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoàn chỉnh thông tin đăng ký thay đổi hoặc liên hệ với cơ quan thuế để được hướng dẫn, hỗ trợ.

**Điều 40. Đăng ký đóng tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu điện tử với cơ quan thuế**

Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền truy cập Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để khai báo (theo mẫu số 05/ĐK-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đăng ký đóng tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu điện tử của người sử dụng tài khoản không còn thẩm quyền tra cứu dữ liệu điện tử tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo quy định.

Chậm nhất 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin đăng ký đóng tài khoản giao dịch điện tử/tài khoản tra cứu dữ liệu điện tử của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cơ quan thuế kiểm tra, xác định điều kiện đóng tài khoản của người sử dụng để Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 08/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký đóng tài khoản tra cứu dữ liệu điện tử kèm theo lý do không chấp nhận cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 41. Giao dịch điện tử với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền**

1. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện truy cập vào Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế, lập Phiếu đề nghị cung cấp thông tin theo mẫu số …. quy định tại Điều … Nghị định … (Nghị định về quản lý thuế), ký điện tử và gửi đến cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để được cơ quan thuế cung cấp thông tin về quản lý thuế theo quy định của pháp luật.

2. Thông báo tiếp nhận Phiếu đề nghị cung cấp thông tin bằng điện tử

a) Chậm nhất 15 phút sau khi tiếp nhận Phiếu đề nghị cung cấp thông tin bằng điện tử, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo về việc tiếp nhận Phiếu đề nghị cung cấp thông tin điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b) Chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi Thông báo về việc tiếp nhận Phiếu đề nghị cung cấp thông tin điện tử (theo mẫu số 01-1/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), cơ quan thuế có trách nhiệm kiểm tra và trả Thông báo chấp nhận hoặc không chấp nhận cung cấp thông tin điện tử (theo mẫu số 01-2/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này), kèm theo lý do không chấp nhận cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

3. Xử lý Phiếu đề nghị cung cấp thông tin bằng điện tử:

Cơ quan thuế có trách nhiệm giải quyết Phiếu đề nghị cung cấp thông tin do cơ quan nhà nước có thẩm quyền gửi đến bằng phương thức điện tử đã được chấp nhận theo quy định của pháp luật có liên quan, cụ thể như sau:

a) Đối với thông tin, dữ liệu đơn giản, có sẵn thì chậm nhất 07 ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo về việc chấp nhận cung cấp thông tin điện tử, cơ quan thuế có trách nhiệm cung cấp thông tin cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo nội dung ghi trên Phiếu đề nghị cung cấp thông tin điện tử;

b) Đối với thông tin phức tạp, không có sẵn mà cần tập hợp, tổng hợp, phân tích thông tin thì chậm nhất 15 ngày làm việc kể từ ngày gửi Thông báo về việc chấp nhận cung cấp thông tin điện tử, cơ quan thuế thực hiện cung cấp thông tin theo nội dung ghi trên Phiếu đề nghị cung cấp thông tin điện tử. Trường hợp cơ quan thuế cần thêm thời gian để xem xét, tìm kiếm, tập hợp, sao chép, giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin thì có thể gia hạn nhưng tối đa không quá 15 ngày làm việc và phải có văn bản thông báo về việc gia hạn trong thời hạn cung cấp thông tin (theo mẫu số 01/QHCCTT-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này).

**Mục 2**

**TRAO ĐỔI, CUNG CẤP THÔNG TIN, DỮ LIỆU GIỮA CƠ QUAN THUẾ VỚI NGÂN HÀNG, TỔ CHỨC CUNG ỨNG DỊCH VỤ TRUNG GIAN THANH TOÁN, TỔ CHỨC ỦY NHIỆM THU VÀ CƠ QUAN NHÀ NƯỚC CÓ THẨM QUYỀN BẰNG PHƯƠNG THỨC TRUYỀN THÔNG TIN, DỮ LIỆU ĐIỆN TỬ**

**Điều** **42. Nguyên tắc trao đổi, cung cấp thông tin:**

1. Các bên trao đổi, cung cấp thông tin, dữ liệu phải đảm bảo đầy đủ, chính xác, kịp thời và theo quy định của pháp luật. Bên cung cấp thông tin, dữ liệu chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, độ tin cậy, chính xác của thông tin, dữ liệu đã cung cấp.

2. Ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin kết nối, chia sẻ, tích hợp thông tin, dữ liệu phù hợp với điều kiện hệ thống thông tin của mỗi cơ quan, đơn vị trong từng thời kỳ; Tuân thủ các yêu cầu hiện hành về an toàn thông tin trong việc xây dựng, vận hành và khai thác kết nối dữ liệu, việc lưu trữ, lưu chuyển thông tin cá nhân.

3. Thông tin, dữ liệu trao đổi giữa cơ quan thuế với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ sử dụng cho mục đích nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị được cung cấp thông tin. Khi nhận được yêu cầu cung cấp thông tin cho bên thứ ba, bên tiếp nhận thông tin phải trao đổi và được sự đồng ý bằng văn bản của bên cung cấp thông tin. Đối với thông tin trao đổi giữa các cơ quan, đơn vị thuộc danh mục thông tin mật, bên tiếp nhận thông tin có trách nhiệm quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước;

4. Thông tin, dữ liệu trao đổi giữa cơ quan thuế, ngân hàng , tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền là thông tin chính thức để sử dụng trong công tác nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị.

5. Dữ liệu nộp thuế điện tử có gắn chữ ký số do Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế truyền sang cơ quan nhà nước có thẩm quyền là căn cứ để chứng minh tổ chức, cá nhân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính, tổ chức, cá nhân không phải cung cấp chứng từ giấy.

Chậm nhất 15 phút sau khi nhận được xác nhận nhận dữ liệu thành công từ cơ quan cấp quyền sở hữu, sử dụng tài sản, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi tin nhắn thông báo cho người nộp thuế vào số điện thoại di động và địa chỉ thư điện tử của người nộp thuế đã đăng ký với cơ quan thuế để người nộp thuế biết.6. Hàng ngày, cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đối soát các thông tin đã truyền, nhận của ngày hôm trước qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trường hợp qua đối soát phát hiện có sai, sót thì Tổng cục Thuế, ngân hàng, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm phối hợp xử lý sai, sót theo quy định Điều 45 Thông tư này.

7. Dữ liệu điện tử được cung cấp phải có gắn chữ ký số của đơn vị cung cấp có tính pháp lý tương đương như con dấu và chữ ký.

8. Thông tin, dữ liệu truyền giữa các cơ quan phải thể hiện được các nội dung sau: đơn vị gửi, nhận; thời gian gửi, nhận; thông điệp xác nhận việc truyền dữ liệu điện tử thành công hoặc không thành công.

**Điều 43. Thông tin trao đổi, cung cấp giữa cơ quan thuế với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền**

Cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu theo chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị; theo quy định của pháp luật và theo Quy chế trao đổi thông tin, phối hợp công tác giữa cơ quan thuế với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

**Điều 44. Hình thức, cơ chế trao đổi, cung cấp thông tin**

Việc trao đổi, cung cấp thông tin giữa cơ quan thuế với ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền được thực hiện theo hình thức truyền nhận dữ liệu điện tử. Cơ quan thuế và ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải thực hiện kết nối, truyền nhận thông tin, dữ liệu điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Cơ quan thuế, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xây dựng, phát triển các hệ thống thông tin, dữ liệu tập trung để trao đổi, cung cấp thông tin bằng điện tử theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều này.

**Điều 45. Tra soát, xử lý sai sót và điều chỉnh thông tin**

1. Tra soát, xử lý sai sót, điều chỉnh thông tin cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Sai sót phát sinh hoặc được phát hiện tại đơn vị nào thì đơn vị đó phải chủ động xác định nguyên nhân sai sót và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc cung cấp thông tin để xử lý sai sót theo quy định.

- Cơ quan, đơn vị phát hiện sai sót phải gửi thư tra soát điện tử (theo mẫu 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) đến các cơ quan, đơn vị có liên quan qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc hệ thống trao đổi thông tin/Cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngay trong ngày phát hiện sai sót hoặc chậm nhất trong ngày làm việc tiếp theo liền kề ngày phát hiện sai sót.

- Các cơ quan, đơn vị có liên quan khi nhận được thư tra soát điện tử có trách nhiệm giải quyết nội dung tra soát trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ thời điểm nhận được đề nghị tra soát hoặc điều chỉnh.

2. Tra soát, xử lý sai sót, điều chỉnh thông tin thu nộp ngân sách nhà nước

a) Các trường hợp phát sinh sai sót:

- Trường hợp ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước phát sinh các khoản tiền chuyển thừa, chuyển thiếu thì xử lý theo quy định về xử lý sai sót trong thanh toán của ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/ Kho bạc Nhà nước.

- Trường hợp phát sinh sai sót thông tin trong hạch toán thu nộp ngân sách nhà nước, ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước không được hoàn lại tiền cho người nộp thuế. Ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm thực hiện tra soát, hoàn thiện thông tin, hạch toán thu ngân sách theo quy định xử lý sai sót trong thanh toán, đảm bảo không làm ảnh hưởng đến việc ghi nhận các khoản thu ngân sách cho người nộp thuế.

- Trường hợp ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu/Kho bạc Nhà nước đã truyền chứng từ nộp ngân sách nhà nước bằng điện tử sang cơ quan thuế thì khi phát sinh điều chỉnh hoặc trả lại chứng từ nộp ngân sách nhà nước, Kho bạc nhà nước phải truyền cho cơ quan thuế để theo dõi, thực hiện điều chỉnh.

- Trường hợp người nộp thuế thực hiện trùng giao dịch nộp thuế điện tử (gửi từ 2 lần trở lên cho 1 khoản nộp trong một ngày) thì người nộp thuế liên hệ với ngân hàng hoặc Kho bạc Nhà nước phục vụ người nộp thuế để đề nghị điều chỉnh còn một lần nộp thuế. Đối với số thuế của giao dịch trùng mà ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu nơi người nộp thuế thực hiện nộp ngân sách nhà nước đã chuyển tiền và các thông tin trên chứng từ nộp thuế sang ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thì người nộp thuế được lựa chọn để số tiền đó nộp cho các khoản nghĩa vụ phải nộp khác hoặc đề nghị hoàn theo quy định của pháp luật quản lý thuế.

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện khai không chính xác các thông tin trên chứng từ nộp ngân sách nhà nước, người nộp thuế phối hợp với ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu/ Kho bạc Nhà nước nơi người nộp thuế thực hiện nộp ngân sách nhà nước để xử lý sai sót trong việc nộp tiền vào ngân sách. Trường hợp tiền và các thông tin trên chứng từ nộp thuế đã được chuyển sang ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản thì người nộp thuế thực hiện đề nghị xử lý tra soát, điều chỉnh thông tin theo quy định tại Khoản b Điều này.

- Đối với các khoản thu liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản người nộp thuế phát hiện sai, sót trên Thông báo của cơ quan thuế. Người nộp thuế thực hiện đề nghị xử lý tra soát, điều chỉnh thông tin đến cơ quan thuế ban hành Thông báo theo quy định tại Khoản b Điều này.

b) Về đề nghị xử lý tra soát, điều chỉnh thông tin thu nộp ngân sách nhà nước

b.1) Đối với tra soát, điều chỉnh thông tin đã được hạch toán thu ngân sách nhà nước:

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện sai sót, cơ quan thuế lập Giấy đề nghị điều chỉnh thu ngân sách nhà nước (theo mẫu C1-07a/NS hoặc C1-07b/NS ban hành kèm theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước) gửi Kho bạc Nhà nước qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đề nghị điều chỉnh.

- Trường hợp ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu nơi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp ngân sách nhà nước phát hiện sai sót thì thực hiện lập thư tra soát (mẫu 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) gửi đến ngân hàng/tổ chức trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu nơi Kho bạc nhà nước mở tài khoản và phối hợp với Kho bạc Nhà nước xử lý sai, sót.

- Trường hợp Kho bạc Nhà nước phát hiện sai sót, Kho bạc Nhà nước thực hiện hạch toán điều chỉnh thông tin và gửi dữ liệu điều chỉnh cho cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện điều chỉnh.

- Trường hợp người nộp thuế phát hiện sai sót liên quan đến khoản nộp ngân sách nhà nước đã được cơ quan thuế hạch toán và thông báo, người nộp thuế lập thư tra soát (mẫu 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) kèm theo chứng từ nộp ngân sách nhà nước hoặc thông tin liên quan đến đề nghị điều chỉnh sai sót gửi cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

b.2) Đối với tra soát, điều chỉnh thông tin đã hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan thuế:

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm lập thư tra soát (theo mẫu số 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) gửi cơ quan thuế qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để đề nghị bổ sung thông tin hạch toán điều chỉnh từ tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan thuế vào tài khoản thu ngân sách nhà nước theo quy định.

b.3) Đối với các trường hợp tra soát khác: sử dụng Thư tra soát mẫu 01/TTS-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Về thực hiện xử lý sai sót, điều chỉnh thông tin thu nộp thuế:

c.1) Đối với ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu nơi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp ngân sách nhà nước

- Khi nhận được thư tra soát từ người nộp thuế, ngân hàng/ tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót theo quy định về xử lý sai, sót trong thanh toán.

- Trường hợp đã chuyển tiền và thông tin nộp ngân sách sang ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản, nếu phát hiện sai sót thì thực hiện lập thư tra soát với ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản để thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót theo quy trình thanh toán giữa các ngân hàng.

c.2) Đối với ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản

Khi nhận được thư tra soát từ ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu nơi người nộp thuế thực hiện giao dịch nộp ngân sách nhà nước, ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản có trách nhiệm thực hiện tra soát và điều chỉnh sai sót theo quy định về xử lý sai, sót trong thanh toán; đồng thời gửi thông tin đã điều chỉnh cho Kho bạc Nhà nước (nếu chứng từ đã được truyền sang Kho bạc Nhà nước) để điều chỉnh sai, sót liên quan đến hạch toán khoản nộp tại Kho bạc. Trường hợp chuyển thừa tiền (so với số tiền khách hàng nộp), ngân hàng gửi thư tra soát sang Kho bạc Nhà nước; căn cứ nội dung tra soát của ngân hàng, Kho bạc trả lại tiền thừa cho ngân hàng. Trường hợp chuyển thiếu tiền, ngân hàng thực hiện chuyển bổ sung cho đủ số tiền phải nộp ngân sách nhà nước về Kho bạc Nhà nước, bảo đảm các thông tin hạch toán khớp đúng thông tin đã hạch toán trước đó.

c.3) Đối với Kho bạc Nhà nước

Khi đã hạch toán thu ngân sách và chuyển thông tin thu ngân sách sang cơ quan thuế, nếu phát hiện sai sót thì Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm điều chỉnh thông tin và gửi dữ liệu điều chỉnh sang cơ quan thuế để cơ quan thuế điều chỉnh thông tin quản lý.

Khi nhận được thư tra soát từ người nộp thuế/cơ quan thuế/ngân hàng/tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán/tổ chức ủy nhiệm thu thì Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm tra soát, điều chỉnh thông tin và thông báo với các cơ quan liên quan để điều chỉnh thông tin thu nộp ngân sách nhà nước.

Kho bạc Nhà nước có trách nhiệm lập thư tra soát bằng phương thức điện tử đối với các khoản đã hạch toán vào tài khoản chờ xử lý các khoản thu của cơ quan thuế để cơ quan thuế bổ sung thông tin hạch toán thu ngân sách.

c.4) Đối với cơ quan thuế

Khi nhận được thư tra soát từ người nộp thuế, cơ quan thuế có trách nhiệm tra soát thông tin thu nộp và lập Giấy đề nghị điều chỉnh thu ngân sách nhà nước (mẫu C1-07a/NS hoặc C1-07b/NS ban hành kèm theo Thông tư của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán ngân sách nhà nước và hoạt động nghiệp vụ Kho bạc Nhà nước) gửi Kho bạc Nhà nước để thực hiện điều chỉnh; sau khi Kho bạc Nhà nước đã điều chỉnh, cơ quan thuế thông báo cho người nộp thuế biết.

Khi nhận được đề nghị tra soát của Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế có trách nhiệm xác nhận hoặc bổ sung thông tin hạch toán thu ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước để làm căn cứ điều chỉnh thông tin hạch toán thu ngân sách nhà nước tại Kho bạc Nhà nước.

- Đối với đề nghị điều chỉnh thông tin thu nộp đối với các khoản thu liên quan đến cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản do sai, sót trên Thông báo của cơ quan thuế thì cơ quan thuế đồng thời thực hiện việc thông báo cho người nộp thuế về thông tin điều chỉnh và phối hợp với KBNN điều chỉnh thông tin theo quy định.

Căn cứ thông tin tra soát, xác nhận, điều chỉnh của ngân hàng nơi Kho bạc Nhà nước mở tài khoản hoặc Kho bạc Nhà nước, cơ quan thuế điều chỉnh số tiền chậm nộp phù hợp với ngày nộp thuế thực tế phát sinh.

**Chương IV**

**GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN**

**Mục 1**

**LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN**

**Điều 46. Lựa chọn doanh nghiệp cung cấp dịch vụ T-VAN và kết nối hệ thống của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế**

1. Doanh nghiệp được lựa chọn là tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN là doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1 Điều 15 Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính.

2. Điều kiện để doanh nghiệp cung cấp dịch vụ T-VAN đảm bảo chất lượng dịch vụ thuế điện tử cung cấp cho người nộp thuế, đảm bảo các yêu cầu kết nối với với Cổng thông tin của Tổng cục Thuế và đảm bảo an toàn thông tin trên mội trường mạng.

a) Về chủ thể: Có kinh nghiệm trong việc xây dựng giải pháp công nghệ thông tin và giải pháp trao đổi dữ liệu điện tử giữa các tổ chức. Có tối thiểu 03 năm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

b) Về tài chính

Có đủ năng lực tài chính để thiết lập hệ thống trang thiết bị kỹ thuật, tổ chức và duy trì hoạt động phù hợp với quy mô cung cấp dịch vụ và đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại Điểm d Khoản này; Có ký quỹ tại một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam hoặc có giấy bảo lãnh của một ngân hàng hoạt động tại Việt Nam không dưới 5 tỷ đồng, hoặc mua bảo hiểm để giải quyết các rủi ro và các khoản đền bù có thể xảy ra trong quá trình cung cấp dịch vụ và thanh toán chi phí tiếp nhận và duy trì cơ sở dữ liệu của doanh nghiệp trong quá trình cung cấp dịch vụ T-VAN.

c) Về nhân sự

- Có tối thiểu 05 nhân viên kỹ thuật trình độ đại học chuyên ngành về công nghệ thông tin, đảm bảo có kinh nghiệm thực tiễn về quản trị mạng, bảo mật hệ thống trao đổi dữ liệu điện tử, quản trị cơ sở dữ liệu, am hiểu pháp luật thuế.

- Có nhân viên kỹ thuật thường xuyên theo dõi, kiểm tra 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần để duy trì hoạt động của hệ thống và hỗ trợ người sử dụng dịch vụ thuế điện tử qua T-VAN.

d) Về kỹ thuật

- Có hệ thống thiết bị, kỹ thuật đảm bảo cung cấp dịch vụ cho người nộp thuế và kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối của Tổng cục Thuế, đảm bảo hoạt động trực tuyến 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần.

- Có hệ thống thiết bị, kỹ thuật dự phòng đặt tại trung tâm dự phòng cách xa trung tâm dữ liệu chính tối thiểu 20km sẵn sàng hoạt động khi hệ thống chính gặp sự cố. Có các quy trình sao lưu dữ liệu, sao lưu trực tuyến dữ liệu, khôi phục dữ liệu; thời gian phục hồi dữ liệu tối đa 08 giờ kể từ thời điểm hệ thống gặp sự cố.

- Có khả năng phát hiện, cảnh báo và ngăn chặn các truy cập bất hợp pháp các hình thức tấn công trên môi trường mạng để đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn của dữ liệu trao đổi giữa các bên tham gia có biện pháp kiểm soát giao dịch với người nộp thuế và với cơ quan thuế.

đ) Trường hợp doanh nghiệp cung cấp dịch vụ T-VAN có cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thì phải đáp ứng các điều kiện của tổ chức cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử quy định tại các văn bản hiện hành.

3. Trình tự kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Doanh nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều này đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và cam kết kết nối với Cổng thông tin của Tổng cục Thuế theo quy định của Tổng cục Thuế gửi văn bản đề nghị kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế kèm theo các tài liệu, hồ sơ chứng minh hệ thống đáp ứng tiêu chuẩn và đề án cung cấp dịch vụ T-VAN (sau đây gọi là tổ chức đăng ký dịch vụ T-VAN).

b) Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị kết nối của tổ chức đăng ký dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra các tài liệu hồ sơ của tổ chức và có thông báo về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị kết nối, trường hợp không chấp thuận nêu rõ lý do.

c) Kể từ ngày Tổng cục Thuế thông báo về việc chấp thuận đề nghị kết nối của tổ chức đăng ký dịch vụ T-VAN , tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện kết nối kỹ thuật với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và thông báo cho Tổng cục Thuế sau khi đã kết nối thành công để Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra thực tế tại doanh nghiệp.

Tổng cục Thuế thực hiện kiểm tra thực tế việc đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối tại doanh nghiệp và ký Biên bản kiểm tra. Nếu Biên bản kiểm tra có kết quả là đáp ứng các tiêu chuẩn kết nối thì Tổng cục Thuế ký văn bản thoả thuận với tổ chức đăng ký cung cấp dịch vụ T-VAN. Nếu Biên bản kiểm tra có kết quả là không đáp ứng các tiêu chuẩn kết nối thì Tổng cục Thuế có văn bản thông báo từ chối ký thoả thuận và nêu rõ lý do.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản kiểm tra với kết quả là đạt, Tổng cục Thuế và tổ chức T-VAN thống nhất nội dung, thời gian ký thỏa thuận.

d) Chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi ký thỏa thuận, Tổng cục Thuế công bố công khai bổ sung danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trên Trang thông tin điện tử ([www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

4. Thay đổi, bổ sung thông tin cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc thông tin kết nối:

Trường hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN có thay đổi, bổ sung thông tin liên quan đến thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh thay đổi, tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải gửi văn bản kèm theo các tài liệu hồ sơ liên quan đến nội dung thay đổi đến Tổng cục Thuế.

Trường hợp các thay đổi liên quan đến văn bản thoả thuận đã ký thì hai bên phải ký phụ lục văn bản thoả thuận bổ sung. Trường hợp các thay đổi liên quan đến tiêu chuẩn kỹ thuật ảnh hưởng đến việc kết nối thì Tổng cục Thuế có thể kiểm tra lại thực tế tại doanh nghiệp về các tiêu chuẩn kết nối trước khi ký phụ lục văn bản thoả thuận bổ sung. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị thay đổi, bổ sung thông tin và đầy đủ hồ sơ kèm theo (nếu có) hợp lệ, hoặc 05 ngày làm việc kể từ ngày ký biên bản kiểm tra với kết quả là đạt, Tổng cục Thuế và tổ chức T-VAN thống nhất nội dung, thời gian ký thỏa thuận bổ sung.

5. Ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN:

5.1. Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN thì:

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải gửi thông báo cho người nộp thuế có liên quan và Tổng cục Thuế bằng văn bản trước thời hạn tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ 30 ngày (trường hợp tạm ngừng phải ghi rõ thời điểm tạm ngừng và thời điểm dự kiến bắt đầu trở lại hoạt động).

- Ngay sau khi nhận được thông báo tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, Tổng cục Thuế thông báo công khai trên Trang thông tin điện tử ([www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Trường hợp ngừng cung cấp dịch vụ thì hai bên ký văn bản chấm dứt thoả thuận trong vòng 10 ngày làm việc kể từ ngày Tổng cục Thuế nhận được thông báo tạm ngừng/ngừng cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

5.2. Tổng cục Thuế chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trong các trường hợp sau:

- Trường hợp tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị giải thể; bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy phép thành lập hoặc giấy phép khác liên quan đến hoạt động của tổ chức; bị tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật thì kể từ thời điểm ban hành thông báo của cơ quan có thẩm quyền, Tổng cục Thuế chấm dứt kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Trường hợp qua kiểm tra Tổng cục Thuế phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế; hoặc vi phạm các điều khoản đã ký thỏa thuận; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Căn cứ vào mức độ vi phạm qua kiểm tra, cơ quan thuế có quyền tạm ngừng có thời hạn/chấm dứt kết nối giữa Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế và hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Khi chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối, Tổng cục Thuế có văn bản gửi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được biết và thực hiện ngừng kết nối với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; Tổng cục Thuế thông báo cho người nộp thuế đang sử dụng dịch vụ T-VAN qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị Tổng cục Thuế chủ động tạm ngừng/chấm dứt kết nối, đồng thời công bố công khai trên Trang thông tin điện tử ([www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục thuế về tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN vi phạm, đã ngừng cung cấp dịch vụ T-VAN. Đồng thời, Tổng cục Thuế gửi thông báo qua Cổng thông tin điện tử cho người nộp thuế đang thực hiện giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bị Tổng cục Thuế chủ động chấm dứt kết nối được biết.

5.3. Người nộp thuế đang giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN ngừng cung cấp dịch vụ được đăng ký để chuyển sang giao dịch qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc đăng ký giao dịch qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác.

6. Tổ chức đã cung cấp dịch vụ T-VAN trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành được tiếp tục cung cấp dịch vụ T-VAN nếu vẫn đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo quy định tại Thông tư này; trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật kết nối theo quy định thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải hoàn thiện và gửi bổ sung thông tin, hồ sơ có liên quan đến Tổng cục Thuế để được xem xét ký thoả thuận bổ sung theo quy định.

**Mục 2**

**ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ TRONG LĨNH VỰC THUẾ QUA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN**

**Điều 47. Thủ tục đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN**

1. Người nộp thuế được sử dụng dịch vụ T-VAN trong việc thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử.

2. Thủ tục đăng ký giao dịch điện tử qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

2.1. Người nộp thuế lập tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN (theo mẫu số 01/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2.2. Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu số 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN qua hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế.

a) Trường hợp chấp nhận, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo về tài khoản tra cứu thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế. Người nộp thuế có trách nhiệm đổi mật khẩu tài khoản được cấp lần đầu và thay đổi mật khẩu ít nhất 03 (ba) tháng một lần để đảm bảo an toàn, bảo mật.

b) Trường hợp không chấp nhận, người nộp thuế căn cứ thông báo không chấp nhận đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN của cơ quan thuế để hoàn chỉnh thông tin đăng ký, ký điện tử và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN hoặc liên hệ với cơ quan thuế quản lý để được hướng dẫn, hỗ trợ.

3. Thủ tục đăng ký nộp thuế điện tử:

Đối với trường hợp đăng ký nộp thuế điện tử, người nộp thuế sau khi hoàn thành đăng ký tại Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện đăng ký nộp thuế điện tử với ngân hàng theo quy định tại khoản 4 Điều 17 Thông tư này.

4. Người nộp thuế thực hiện giao dịch điện tử với cơ quan thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được sử dụng tài khoản tra cứu thông tin được cơ quan thuế cấp để tra cứu toàn bộ thông tin liên quan trên Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

5. Chứng từ điện tử của người nộp thuế gửi qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đến cơ quan thuế phải có chữ ký số của người nộp thuế và tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

**Điều 48. Đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin sử dụng dịch vụ T-VAN**

1. Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin trên Tờ khai đăng ký sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện khai các thông tin thay đổi, bổ sung (theo mẫu số 02/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, bổ sung thông tin sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận thông tin đăng ký thay đổi, bổ sung cho người nộp thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

Trường hợp thay đổi, bổ sung thông tin tài khoản nộp thuế điện tử thì người nộp thuế thực hiện theo quy định tại khoản 2, Điều 18 Thông tư này.

2. Trường hợp thay đổi tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN, người nộp thuế phải thực hiện đăng ký ngừng theo quy định tại Điều 49 và thực hiện thủ tục đăng ký lại theo quy định tại Điều 47 Thông tư này.

**Điều 49. Đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN**

1. Trường hợp ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế thực hiện đăng ký (theo mẫu số 03/ĐK-T-VAN ban hành kèm theo Thông tư này) và gửi đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

2. Chậm nhất 15 phút kể từ khi nhận được hồ sơ đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế gửi thông báo (theo mẫu 03/TB-TĐT ban hành kèm theo Thông tư này) xác nhận ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN đến người nộp thuế qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

3. Kể từ thời điểm đăng ký ngừng sử dụng dịch vụ T-VAN, người nộp thuế được thực hiện đăng ký giao dịch với cơ quan thuế bằng phương thức điện tử qua Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế hoặc đăng ký qua tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN khác.

**Mục 3**

**QUAN HỆ GIỮA TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ T-VAN VỚI NGƯỜI NỘP THUẾ, CƠ QUAN THUẾ**

**Điều 50. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế**

Mối quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với người nộp thuế được xác định trên cơ sở hợp đồng về việc cung cấp dịch vụ T-VAN.

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Quyền của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Ký hợp đồng bằng văn bản với người nộp thuế về cung cấp và sử dụng dịch vụ T-VAN, trong đó phải quy định rõ về trách nhiệm của các bên liên quan đến nội dung chứng từ điện tử.

- Được quyền từ chối cung cấp dịch vụ T-VAN đối với cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện tham gia giao dịch hoặc vi phạm hợp đồng.

- Được thu tiền sử dụng dịch vụ T-VAN từ người nộp thuế để đảm bảo duy trì hoạt động theo thỏa thuận tại Hợp đồng giữa hai bên.

b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN công khai thông báo phương thức hoạt động, chất lượng dịch vụ trên Website giới thiệu dịch vụ của tổ chức.

- Cung cấp dịch vụ truyền nhận và hoàn thiện hình thức thể hiện chứng từ điện tử phục vụ việc trao đổi thông tin giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

- Thực hiện việc gửi, nhận đúng hạn, toàn vẹn chứng từ điện tử theo thỏa thuận với các bên tham gia giao dịch.

- Lưu giữ kết quả của các lần truyền, nhận; lưu giữ chứng từ điện tử trong thời gian giao dịch chưa hoàn thành.

- Bảo đảm kết nối, bảo mật, toàn vẹn thông tin và cung cấp các tiện ích khác cho các bên tham gia trao đổi chứng từ điện tử.

- Thông báo cho người nộp thuế và cơ quan thuế trước 30 ngày kể từ ngày dừng hệ thống để bảo trì và biện pháp xử lý để bảo đảm quyền lợi của người nộp thuế.

- Có trách nhiệm gửi hồ sơ thuế điện tử của người nộp thuế đến cơ quan thuế và chuyển kết quả giải quyết hồ sơ thuế điện tử của cơ quan thuế cho người nộp thuế đúng thời hạn theo quy định tại Thông tư này, trường hợp gửi không đúng quy định dẫn tới người nộp thuế bị chậm nộp hồ sơ theo quy định thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải chịu trách nhiệm với người nộp thuế theo quy định của pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế.

a) Quyền của người nộp thuế

- Lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử và quy định tại Thông tư này, được cơ quan Thuế công khai trên Trang thông tin điện tử ([www.gdt.gov.vn](http://www.gdt.gov.vn)) và Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN bảo đảm giữ bí mật về dữ liệu các thông tin giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế, trừ khi có thỏa thuận khác.

b) Nghĩa vụ của người nộp thuế

- Chấp hành nghiêm chỉnh các điều khoản ký kết trong hợp đồng với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh hệ thống.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hồ sơ thuế điện tử của mình.

**Điều 51. Quan hệ giữa tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN với cơ quan thuế**

Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện theo đúng các yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế trong hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

1. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

a) Quyền của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Được kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng trong lĩnh vực thuế kể từ ngày Tổng cục Thuế thông báo về việc chấp nhận đề nghị kết nối theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Thông tư này.

- Được cơ quan thuế hỗ trợ về nghiệp vụ thuế để thực hiện các giao dịch truyền nhận giữa người nộp thuế với cơ quan thuế.

- Được phối hợp với cơ quan thuế thực hiện đào tạo cho người nộp thuế để thực hiện cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cơ quan thuế hỗ trợ để giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình thực hiện cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cơ quan thuế cung cấp các mẫu, khuôn dạng chuẩn để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN.

- Được cung cấp các dịch vụ thuế điện tử cho người nộp thuế trong phạm vi các dịch vụ thuế điện tử mà cơ quan thuế cung cấp cho người nộp thuế và theo thỏa thuận đã ký kết với cơ quan thuế (trừ trường hợp đặc biệt theo quy định của cơ quan thuế).

b) Nghĩa vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN

- Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN được cung cấp dịch vụ T-VAN cho người nộp thuế kể từ ngày Tổng cục Thuế công bố công khai danh sách tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN trên Cổng thông tin điệnt tử của Tổng cục Thuế.

- Có trách nhiệm chuyển hồ sơ khai thuế điện tử đến Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế chậm nhất là 1giờ/1lần kể từ khi nhận được hồ sơ khai thuế điện tử của người nộp thuế; đối với các hồ sơ thuế điện tử, chứng từ điện tử khác (đăng ký thuế, nộp thuế, hoàn thuế) thì phải thực hiện chuyển ngay đến cơ quan thuế.

- Có trách nhiệm chuyển kết quả giải quyết hồ sơ thuế điện tử của cơ quan thuế cho người nộp thuế ngay sau khi nhận được kết quả từ Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

- Cung cấp đầy đủ thông tin, dữ liệu cho cơ quan thuế khi có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về viễn thông, Internet và các quy định kỹ thuật, nghiệp vụ do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

- Có trách nhiệm thiết lập kênh kết nối với Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế để thực hiện dịch vụ giá trị gia tăng về giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế đảm bảo liên tục, an ninh, an toàn. Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện dịch vụ, chủ động giải quyết và thông báo với cơ quan thuế để phối hợp nếu vướng mắc có liên quan tới Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế.

Trường hợp có lỗi của cổng thông tin điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thì tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN phải thực hiện thông báo ngay cho người nộp thuế, cơ quan thuế để thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 9 Thông tư này.

- Thực hiện báo cáo về hoạt động cung cấp dịch vụ T-VAN với Tổng cục Thuế theo thỏa thuận đã ký với Tổng cục Thuế.

2. Quyền và trách nhiệm của cơ quan thuế.

2.1. Quyền của cơ quan thuế:

Cơ quan thuế có quyền kiểm tra tại doanh nghiệp trong trường hợp trong quá trình cung cấp dịch vụ của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN nếu cơ quan thuế nhận được sự phản ánh của các cá nhân, đơn vị liên quan; hoặc cơ quan thuế phát hiện tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN không đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật theo công khai của Tổng cục Thuế; hoặc vi phạm các điều khoản đã ký thỏa thuận; hoặc vi phạm các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2.2. Trách nhiệm của cơ quan thuế:

a) Thiết lập, duy trì, đảm bảo kết nối Cổng thông tin điện tử của Tổng cục Thuế với hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp T-VAN.

b) Kiểm tra hoạt động của các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN đảm bảo chất lượng dịch vụ và hoạt động đúng theo quy định.

c) Thực hiện hỗ trợ về nghiệp vụ thuế để tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện các giao dịch truyền nhận giữa người nộp thuế với cơ quan thuế; phối hợp với tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN thực hiện đào tạo cho người nộp thuế; hỗ trợ để giải quyết các vướng mắc, phát sinh trong quá trình cung cấp dịch vụ của các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN; cung cấp các mẫu, khuôn dạng chuẩn cho các tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ

d) Cơ quan thuế gửi các thông báo, quyết định, văn bản của cơ quan thuế nêu tại Thông tư này đến hệ thống trao đổi thông tin của tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN để Tổ chức cung cấp dịch vụ T-VAN gửi cho người nộp thuế.

**Chương V**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 52. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày .... tháng ..... năm 2020.

2. Thông tư số 110/2015/TT-BTC ngày 28/7/2015 và Thông tư số 66/2019/TT-BTC ngày 20/9/2019 hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

3. Các nội dung hướng dẫn tại Điều 20 Thông tư này thay thế cho các nội dung đã hướng dẫn tại Khoản ....Điều... Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23/02/2016 của Bộ Kế hoạch đầu tư và Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và hệ thống thông tin thuế.

4. Các quy định về quản lý thuế không hướng dẫn tại Thông tư này thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

5. Người nộp thuế có thể nộp hồ sơ, tài liệu khác liên quan đến các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử theo lộ trình cải cách thủ tục hành chính của cơ quan thuế.

6. Trường hợp người nộp thuế đã thực hiện khai thuế bằng phương thức điện tử trước thời điểm Thông tư này có hiệu lực thi hành thì được chuyển tiếp để thực hiện các thủ tục hành chính khác bằng phương thức điện tử và khai bổ sung thông tin theo quy định tại Điều 18 Thông tư này. Người nộp thuế không phải đăng ký lại với cơ quan thuế theo quy định tại Điều 17 Thông tư này.

7. Việc tổ chức thực hiện giao dịch điện tử theo quy định của Thông tư này thực hiện xong chậm nhất là ngày 01 tháng 07 năm 2021.

**Điều 53. Trách nhiệm thi hành**

1. Người nộp thuế, cơ quan thuế, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán, tổ chức ủy nhiệm thu, tổ chức T-VAN và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế có trách nhiệm ban hành các quy trình nghiệp vụ quản lý thuế đảm bảo phù hợp quy định của Luật quản lý thuế và quy định tại Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Văn phòng TW và các Ban của Đảng; - Văn phòng Quốc hội;  - Văn phòng Tổng Bí Thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Tòa án nhân dân tối cao; - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Kiểm toán Nhà nước; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Công báo; - Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính, Website TCT; - Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính; - Lưu: VT, TCT (VT, KK). | **KT. BỘ TRƯỞNG**  THỨ TRƯỞNG        **Trần Xuân Hà** |